BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Minh Anh
Giảng viên hướng dẫn : T.S Nghiêm Thị Thà

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 583- CÔNG TY SÔNG HỒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Minh Anh
Giảng viên hướng dẫn: T.S Nghiêm Thị Thà

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Minh Anh Mã SV: 110222

Lớp: QT 1103K Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Của tháng 12 năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Xí nghiệp 583 – Công ty sông Hồng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....Nghiêm Thị Thà.....

Học hàm, học vị:.....Thạc sỹ.....

Cơ quan công tác:.....Học viện Tài chính.....

Nội dung hướng dẫn:.....khoá luận tốt nghiệp.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....tháng .....năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.26.tháng.06...năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
	Nghiêm Thị Thà

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....
..... Nghiêm túc, cầu thị trong quá trình thực tập
.....
..... Tuân thủ kế hoạch làm đề tài theo kế hoạch
.....
..... Đã nắm bắt được ý tưởng khi trình bày
..... đề tài .....

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**

.....
..... + Hệ thống được các vấn đề cơ bản về kế
..... toán DTHH, CPSX, XĐKQKD trong DN
.....
..... + Mô tả được thực trạng kế toán CP, DT
..... XĐKQKD tại xí nghiệp 583 - Công ty
..... Sông Hồng. Số liệu minh hoạ hợp lý
..... + Đã đánh giá thực tế, đề xuất các ý kiến
..... khá phù hợp .....

3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....
..... 10 (Mười) .....
.....

Hải Phòng, ngày 26 tháng 05 năm 2011
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

Nghiêm Thị Thà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Minh Anh. Ngày sinh: 26/11/1989
Lớp: QT1103K. Ngành: Kế toán – Kiểm toán Khóa 11
Thực tập tại: Xí nghiệp 583 – Công ty Sông Hồng – QK3
Từ ngày: 1/2/11 đến ngày 28/3/2011

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Sinh viên Phạm Thị Minh Anh thực tập tại XN 583 luôn nghiêm túc chấp hành nội quy quy chế của đơn vị. Ngoan ngoãn, lễ phép, có ý thức cầu tiến

2. Về những công việc được giao:

Có trách nhiệm với phần hành công việc được giao thực tập. Nghiêm túc học hỏi chuyên môn

3. Kết quả đạt được:

Đã nắm được nguyên tắc hạch toán và trình tự luân chuyển chứng từ, trình tự lập báo cáo kế toán của đơn vị

Hải phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

XÍ NGHIỆP 583 CÔNG TY SÔNG HỒNG

GIÁM ĐỐC

Đỗ Viết Thường

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

Vũ Thị Quyên

HD02-B09

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
PHẦN I: TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH **Error! Bookmark not defined.**
1.1 Các khái niệm cơ bản ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.1.1 Khái niệm về tiêu thụ hàng hóa và thực hiện các lao vụ dịch vụ **Error! Bookmark not def**
1.1.2 Khái niệm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp **Error! Bookma**
1.1.2.1 Khái niệm ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.1.2.2 Phân loại doanh thu và phương thức bán hàng trong doanh nghiệp **Error! Bookmark no**
1.1.2.3 Các yếu tố làm tăng, giảm doanh thu trong doanh nghiệp 5
1.1.3 Khái niệm về chi phí trong doanh nghiệp 7
1.1.3.1 Khái niệm 7
1.1.3.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp 7
1.1.4 Khái niệm về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 8
1.1.4.1 Khái niệm 8
1.1.4.2 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh 8
1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 9
1.2 Tổng quan về kế toán các loại doanh thu và chi phí trong doanh nghiệp 9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cung cấp dịch vụ 9
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 12
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp **Error! Bookmark not defined.**
1.2.3 Kế toán kết quả hoạt động tài chính ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.2.6 Kế toán kết quả hoạt động khác ..... **Error! Bookmark not defined.**
1.3 Tổng quan kế toán xác định kết quả kinh doanh 29
1.3.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 29
1.3.2 Tổng quan về kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp **Error! Bookmark**

1.3.2.1 Phương pháp hạch toán .....**Error! Bookmark not defined.**
1.3.2.2 Sổ sách và tài khoản sử dụng .....**Error! Bookmark not defined.**
1.4 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp**Error! Bookmark n**
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....**Error! Bookmark not defined.**
1.4. 2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái .....**Error! Bookmark not defined.**
1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....**Error! Bookmark not defined.**
1.4.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....**Error! Bookmark not defined.**
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính .....**Error! Bookmark not defined.**
1.4.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy**Error! Bookmark not defined**
1.4.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**Error! Bookmark not de**
PHẦN II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI.....**Error! Bookmark not defined.**
XÍ NGHIỆP 583- CÔNG TY SÔNG HỒNG .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1 Tổng quan về Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng**Error! Bookmark not**
2.1.1.1 Tên, địa chỉ, quy mô của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng**Error! Bookmark not def**
2.1.1.2 Cơ sở và quyết định thành lập Xí nghiệp. .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.1.3 Ngành nghề kinh doanh.....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.1.4 Sơ đồ bộ máy tổ chức của Xí nghiệp .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.2 Những thuận lợi, khó khăn của Xí nghiệp năm 2010**Error! Bookmark not defined.**
2.1.2.1 Thuận lợi .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.2.2 Khó khăn.....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.2. 3 Những thành tích đạt dược của Xí nghiệp trong những năm gân đây**Error! Bookmark**
2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán .....**Error! Bookmark not defined.**
2.1.3.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp**Error! Bookmark not**
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng.....**Error! Bookmark not defined.**

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng .....**Error! Bookmark not defined.**
2.2.1.1 Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp**Error! Bookmark not defined**
2.2.1.2 Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Xí nghiệp**Error! Bookmark not defi**
2.2.1.3 Nguyên tắc và thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Error! Book**
2.2.1.4 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng đối với kế toán bán hàng**Error! Bookmark**
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp .....**Error! Bookmark not defined.**
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Error! Bookmark not defined.**
2.2.3.1 Hạch toán chi phí bán hàng 66
2.2.3.2 Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....**Error! Bookmark not defined.**
2.2.4 Nội dung, trình tự xác định kết quả hoạt động tài chính tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng.....**Error! Bookmark not defined.**
2.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....**Error! Bookmark not defined.**
2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....88
2.2.3 Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng 89
2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng 89
2.3.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....**Error! Bookmark not defined.**
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 583- CÔNG TY SÔNG HỒNG.....**Error! Bookmark not defined.**
3.1 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng .....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.1 Các kết quả đạt được.....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.1.1 Về sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp .....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.1.2 Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Xí nghiệp ....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.1.3 Về tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp .....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.2 Về hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng .....**Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.1 Về hạch toán kế toán nói chung.....**Error! Bookmark not defined.**
3.1.2.2 Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**Error! Bookma**
3.1.3 Những nhược điểm về tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp.....98
3.1.3.1 Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán**Error! Bookmark not defin**
3.1.3.2 Một số tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp.....**Error! Bookmark not defined.**
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng 100
3.3 Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng .....**Error! Bookmark not defined.**
Kết luận.....**Error! Bookmark not defined.**

LỜI MỞ ĐẦU

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng, em đã được các thầy cô giáo tận tình cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành kế toán.

Trong thời gian đi thực tập tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng, được sự chỉ bảo tận tình của các cô phòng kế toán và các thầy cô tại trường, em có cơ hội tiếp cận sâu hơn với chuyên ngành qua những thao tác thực tế, gắn kiến thức nhà trường với việc ghi chép, đánh giá phân tích kế toán.

Cùng với đó, nhờ sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của cô giáo: TS Nghiêm Thị Thà, em đã chọn đề tài: ***"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng"***cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Có thể nói, việc chọn đề tài này: em đã có điều kiện nắm rõ được những đặc điểm công tác, quản lý, kinh doanh, hình thức kế toán, công tác bộ máy kế toán và nhất là giúp em nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kế xác định kết quả bán hàng, xác định chi phí và kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng.

Em xin chân thành cảm ơn TS. Nghiêm Thị Thà, các thầy cô giáo chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành khác của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình chỉ bảo em, giúp em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp.

Em cũng xin gửi lời cám ơn tới ban lãnh đạo cùng các cô ban kế toán Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian em thực tập và thu thập số liệu tại Xí nghiệp.

Em xin hứa, với những kiến thức đã được tiếp thu trong quá trình học tập và thực tế, em sẽ cố gắng làm việc thật tốt, để không lãng phí công sức của những người đã truyền thụ kiến thức cho em.

Sau đây, em xin trình bày kết cấu Báo cáo của mình gồm 3 phần sau:

Phần 1: Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Phần 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I: TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH

1.1 Các khái niệm cơ bản

1.1.1 Khái niệm về tiêu thụ hàng hóa và thực hiện các lao vụ dịch vụ

Theo nghĩa hẹp tiêu thụ hàng hóa là quá trình tiêu thụ hàng hóa gắn liền với sự thanh toán giữa người mua và người bán và sự chuyển quyền sở hữu hàng hoá

Theo nghĩa rộng tiêu thụ hàng hóa là một quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, đặt hàng và công tác sản xuất đến việc công tác các nghiệp vụ tiêu thụ, xúc tiến bán hàng… nhằm mục đích đạt hiệu quả cao nhất

1.1.2 Khái niệm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

1.1.2.2 Phân loại doanh thu và phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

a. Các loại doanh thu

- Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ làm tăng vốn chủ sở hữu

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa hàng hoá, hàng hóa cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp

- Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính

b. Các phương thức bán hàng

- **Phương thức bán hàng trực tiếp**: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua

đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

- **Phương thức gửi hàng**: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- **Phương thức bán thông qua đại lý**: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- **Phương thức bán hàng trả góp**: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính

- **Phương thức bán hàng trả chậm**: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- **Phương thức bán hàng đổi hàng**: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào

$$\textit{Doanh thu hàng hóa đem trao đổi} = \textit{Số lượng hàng hóa đem trao đổi} \times \textit{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

c. Các phương thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt: theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời với việc người bán sẽ nhận được ngay số tiền tướng ứng với số hàng hóa mình bán ra.

Thanh toán không dùng tiền mặt: theo phương thức này, người mua có thể thanh toán bằng chuyển khoản, trái phiếu, cổ phiếu, các tài sản có giá trị tương đương.....

d. Các phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác", nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính

Với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT

Với hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT)

Với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công

1.1.2.3 Các yếu tố làm tăng, giảm doanh thu trong doanh nghiệp

a. Các yếu tố làm tăng doanh thu bán hàng trong doanh nghiệp

- Giá bán của hàng hóa trong kỳ tăng lên
- Số lượng hàng hóa tiêu thụ trong kỳ kinh doanh tăng lên
- Giảm chi phí thu mua hàng hóa, giảm chi phí sản xuất hàng hóa

b. Các yếu tố làm giảm doanh thu bán hàng

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm :

- **Chiết khấu thương mại**: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

- **Giảm giá hàng bán**: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng…(do chủ quan doanh nghiệp)

- **Hàng bán bị trả lại**: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt**: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá…

- **Thuế xuất khẩu**: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này. Theo đó:

Doanh thu thuần BH = DT bán hàng - Chiết khấu TM - DT BH bị trả lại - Giảm giá hàng bán - Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT trực tiếp

1.1.3 Khái niệm về chi phí trong doanh nghiệp

1.1.3.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.3.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp

Chi phí tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị giá vốn của hàng hóa, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

❖ **Chi phí bán hàng:** Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết…

❖ **Chi phí khác:** Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,…

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận của một kỳ. Trong đó:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc thu trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

1.1.4 Khái niệm về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.4.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến hàng hóa đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,…)

1.1.4.2 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc "lấy thu bù chi và có lãi". Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí, nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý…

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp…Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa

vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động

1.1.5 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò rất quan trọng nhằm cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong ngoài đơn vị, góp phần giúp họ đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

- Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các Báo cáo tài chính.

1.2 Tổng quan về kế toán các loại doanh thu và chi phí trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Chứng từ kế toán sử dụng

Tùy theo hình thức bán hàng và phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng…)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại…

b. Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Báo biểu bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

❖ **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK này gồm có 5 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu chủ yếu của TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau:

Bên Nợ:

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

+ Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ:** TK này được sử dụng để phản ánh tình hình bán hàng nội bộ một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu chủ yếu của TK 512 như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hóa, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hóa, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hóa, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 3331** - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131…

d. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Vì hiện nay các doanh nghiệp thường dùng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Một số doanh nghiệp dùng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Trong bài này em chỉ lấy ví dụ về phương pháp hạch toán của 2 trường hợp trên

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

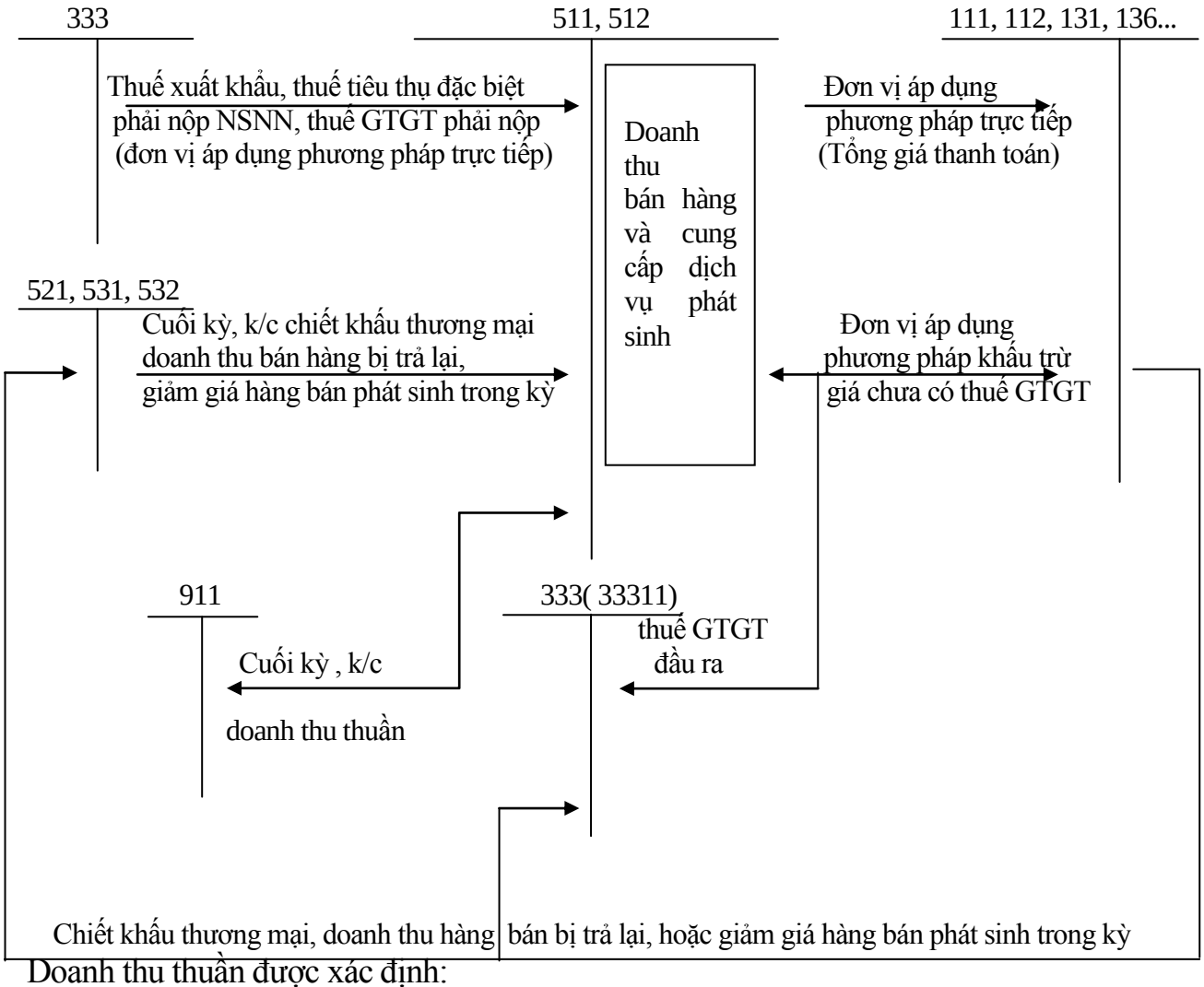

Doanh thu thuần được xác định:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Doanh thu hàng bán bị trả lại	-	Doanh thu hàng giảm giá	-	Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGTphải nộp (theo phương pháp trực tiếp)

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập Báo biểu tài chính.

a. Tài khoản sử dụng gồm:

❖ **Tài khoản 521** - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu cho khách hàng và kết chuyển số tiền chiết khấu đó tính vào chi phí hoạt động tài chính

- TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2

+ TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

+ TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

+ TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu chủ yếu của tài khoản như sau:

Bên Nợ: Ghi số tiền chiết khấu bán hàng đã chấp nhận cho khách hàng

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu bán hàng trong kỳ tính vào chi phí hoạt động tài chính

Sau khi kết chuyển, TK này không có số dư

❖ **Tài khoản 531** - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số hàng hóa bị khách hàng trả lại và kết chuyển sang TK 511 hoặc 512 để giảm doanh thu bán hàng

Kết cấu chủ yếu của tài khoản như sau:

Bên Nợ: Ghi trị giá hàng bán bị trả lại theo giá bán chưa có thuế GTGT

Bên Có: Kết chuyển trị giá hàng bán trong kỳ tính sang TK 511, TK 512

Sau khi kết chuyển, TK này không có số dư

❖ **Tài khoản 532** - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toánvà kết chuyển sang TK 511 hoặc 512 để giảm doanh thu bán hàng

Kết cấu chủ yếu của tài khoản như sau:

Bên Nợ: Ghi số tiền giảm giá cho khách hàng theo giá bán

Bên Có: Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán trong trong kỳ tính sang TK 511, TK 512

Sau khi kết chuyển, TK này không có số dư

❖ **Tài khoản 333** - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm

b. Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Sơ đồ 1.2 a: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

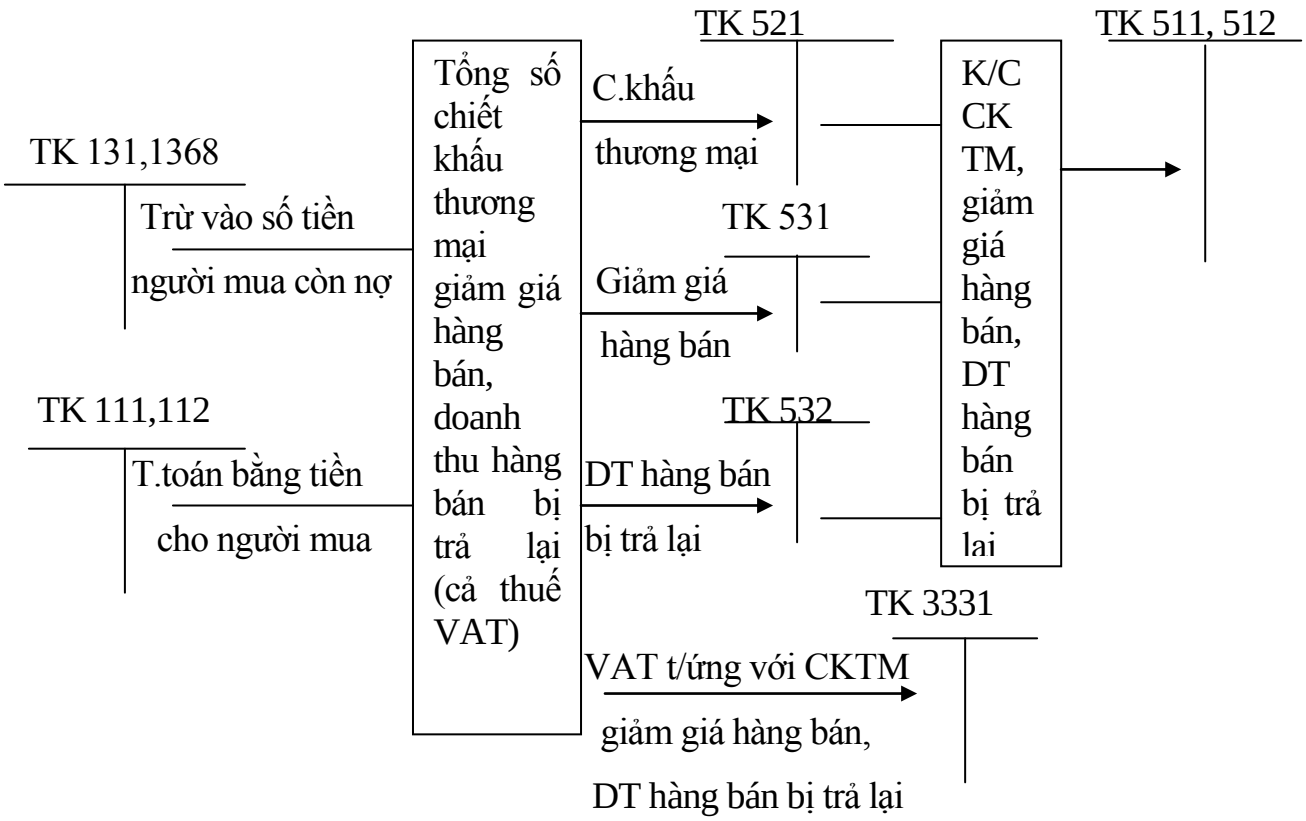

Sơ đồ 1.2.b :Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

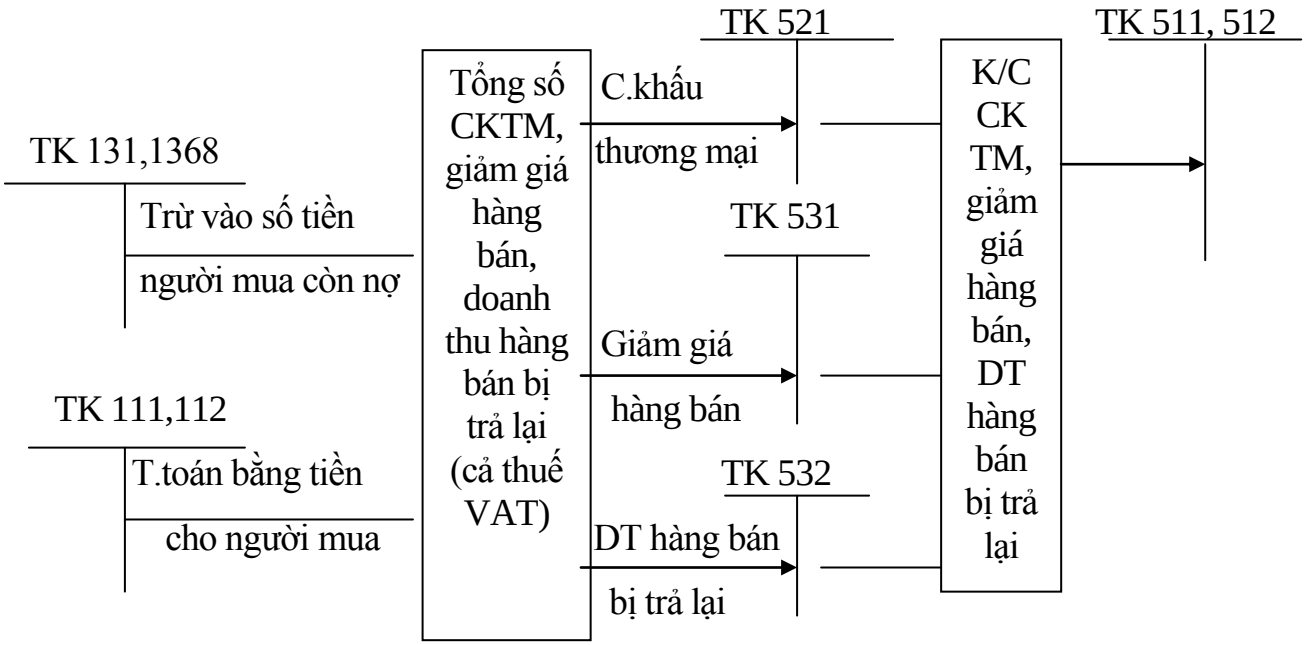

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành hàng hóa thực tế của hàng hóa hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp nhập sau - xuất trước

a. Các chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTTT – 3LL)

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 155, 156, 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

c. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

❖ **TK 155** – Thành phẩm

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

❖ **TK 156** – Hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

❖ **TK 157** – Hàng gửi bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

❖ **TK 611** – Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa

mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu,vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

❖ **TK 632** – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

d. Phương pháp hạch toán toán một số nghiệp vụ chủ yếu

❖ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)**

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán công tác ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.3.a: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

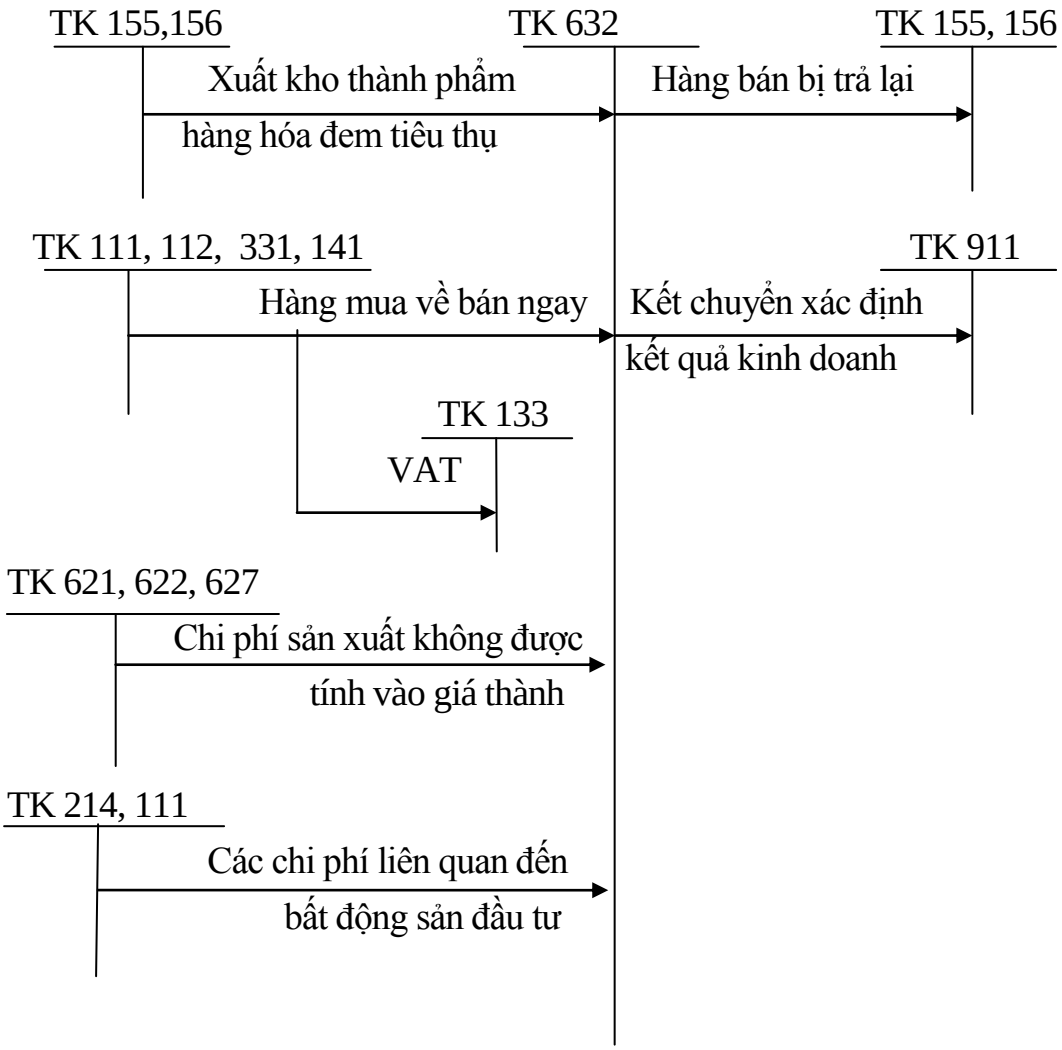

❖ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp công tác kế toán không ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

Số lượng hàng		Số lượng hàng		Số lượng hàng		Số lượng hàng
	=		+		-	
xuất kho		tồn đầu kỳ		nhập đầu kỳ		tồn cuối kỳ

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế của HH tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn của HH gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của HH nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn của HH tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá vốn Thực tế của HH gửi bán chưa xác định là tiêu thụ cuối kỳ

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3.b : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

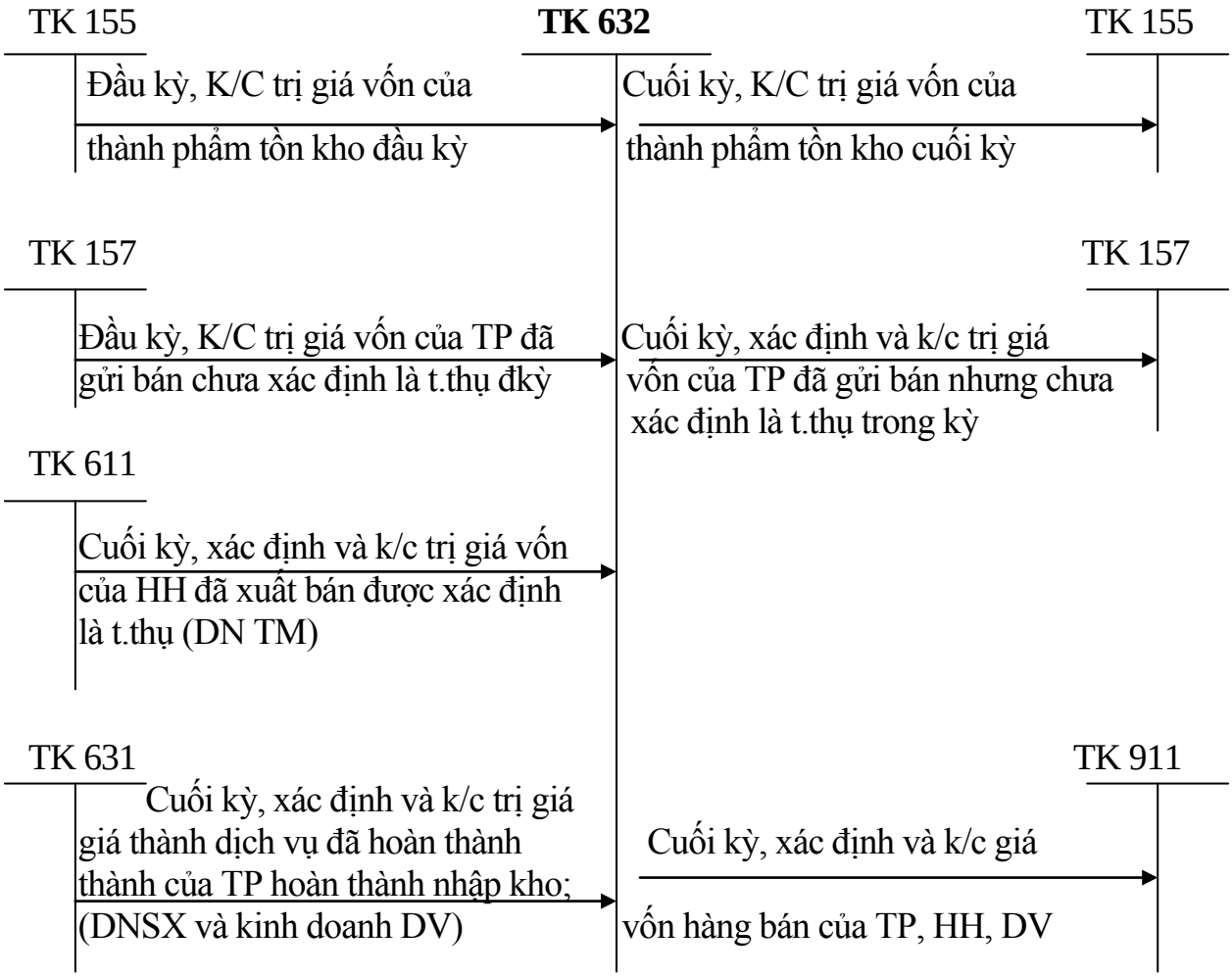

1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ

b. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 641, 642
- Sổ cái tài khoản 641, 642
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

c. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ **Tài khoản 641** – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển…

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ **Tài khoản 642** – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản

ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác…

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tuỳ theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

d. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

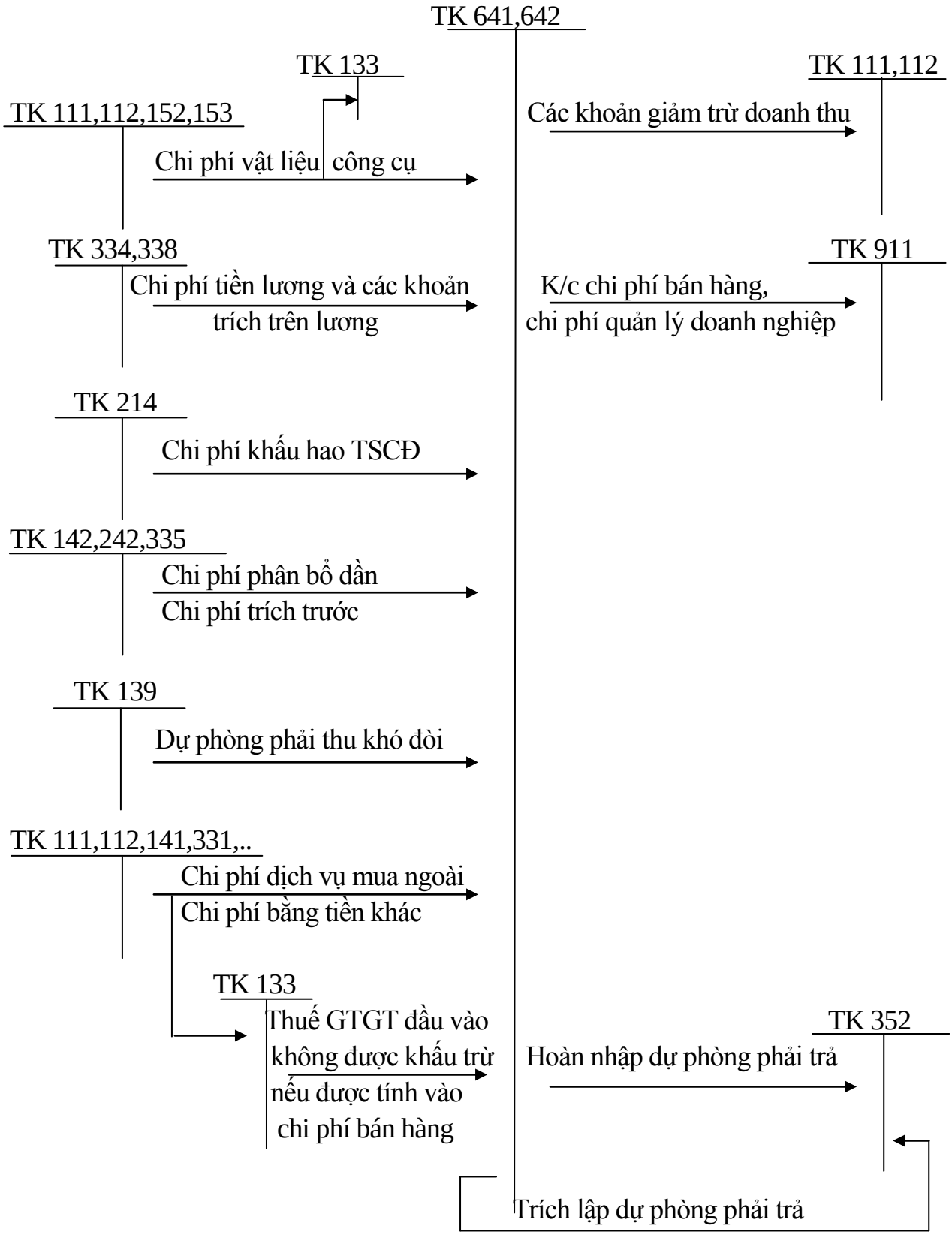

1.2.5 Kế toán kết quả hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính tại doanh nghiệp được xác đinh theo công thức sau:

Kết quả hoạt động tài chính = Kế toán doanh thu hoạt động tài chính - Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 515, 635
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính:** dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mực tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 635- Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí phát sinh liên quan về vốn và hoạt động đầu từ tài chính.

Kết cấu và nội dung phán ánh TK 635

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về doanh thu hoạt động tài chính

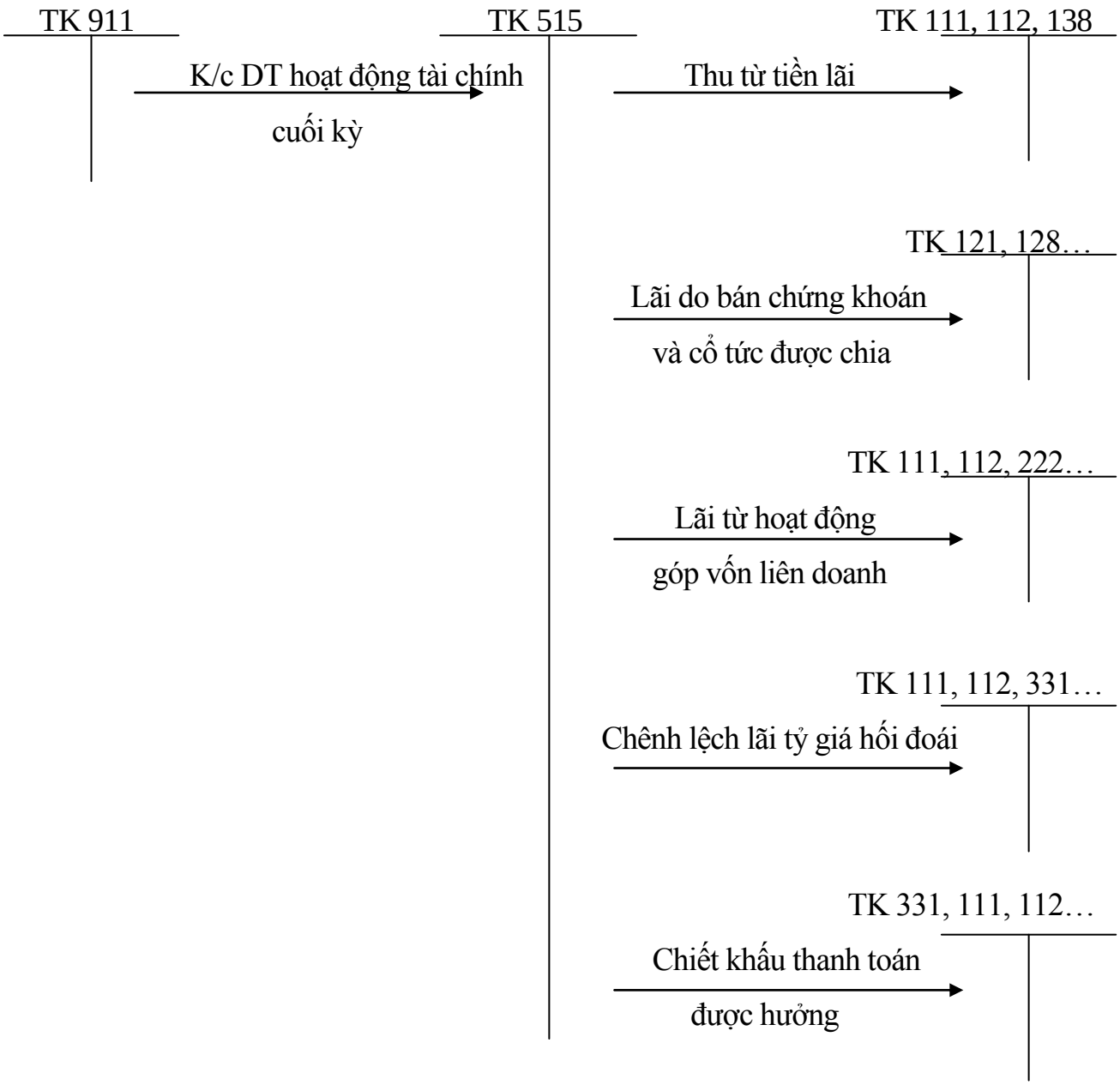

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về chi phí hoạt động tài chính

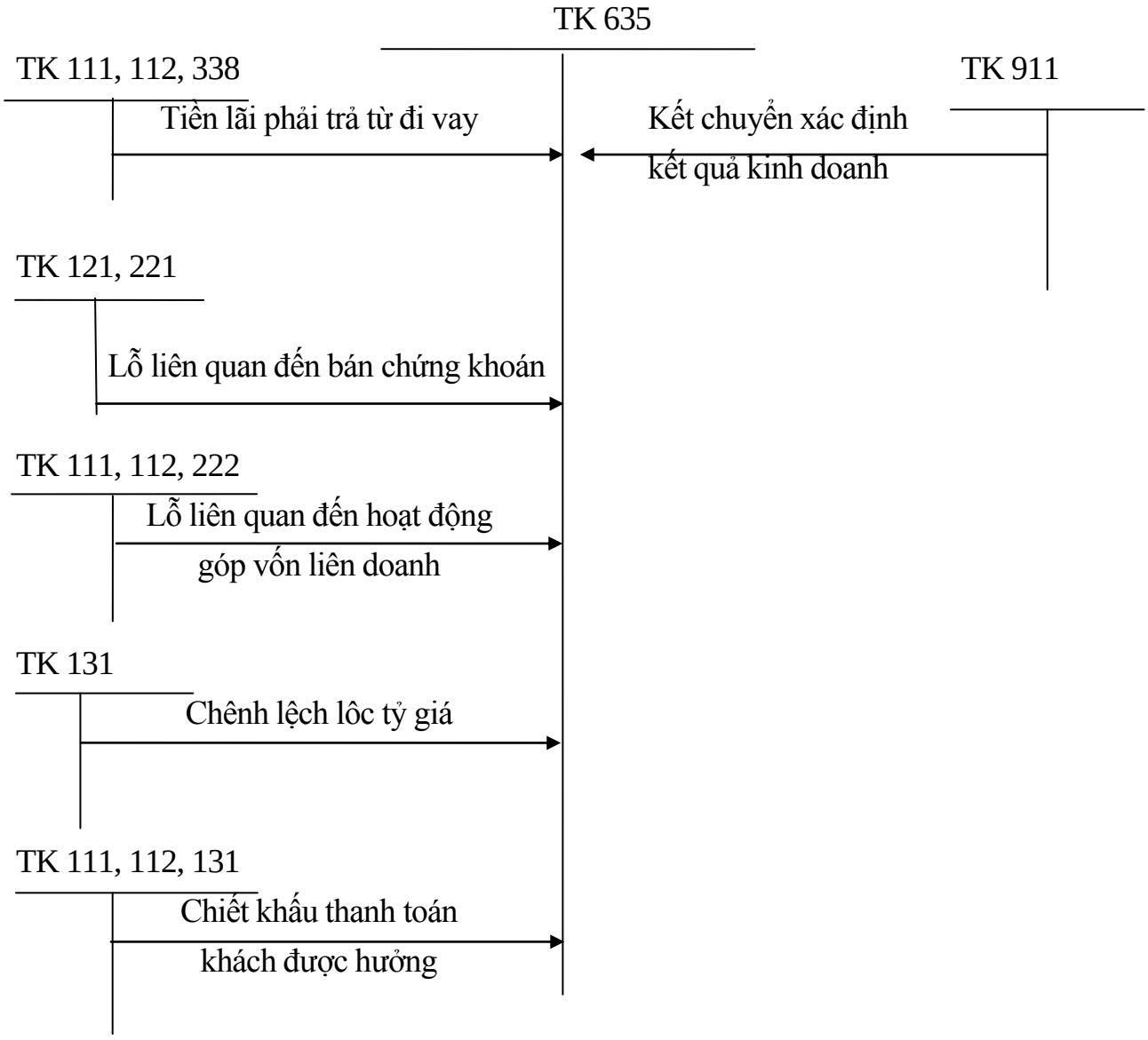

1.2.6 Kế toán kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động khác tại doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

Kết quả hoạt động khác = Doanh thu khác – Chi phí khác

a. Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 711, 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

b. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711 - Thu nhập khác:** dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập, không phản ánh các khoản chi phí.

Kết cấu của TK 711

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 811- Chi phí khác:** Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có), các khoản chi phí khác, bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vậu tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

Kết cấu và nội dung phán ánh TK 811

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về thu nhập khác

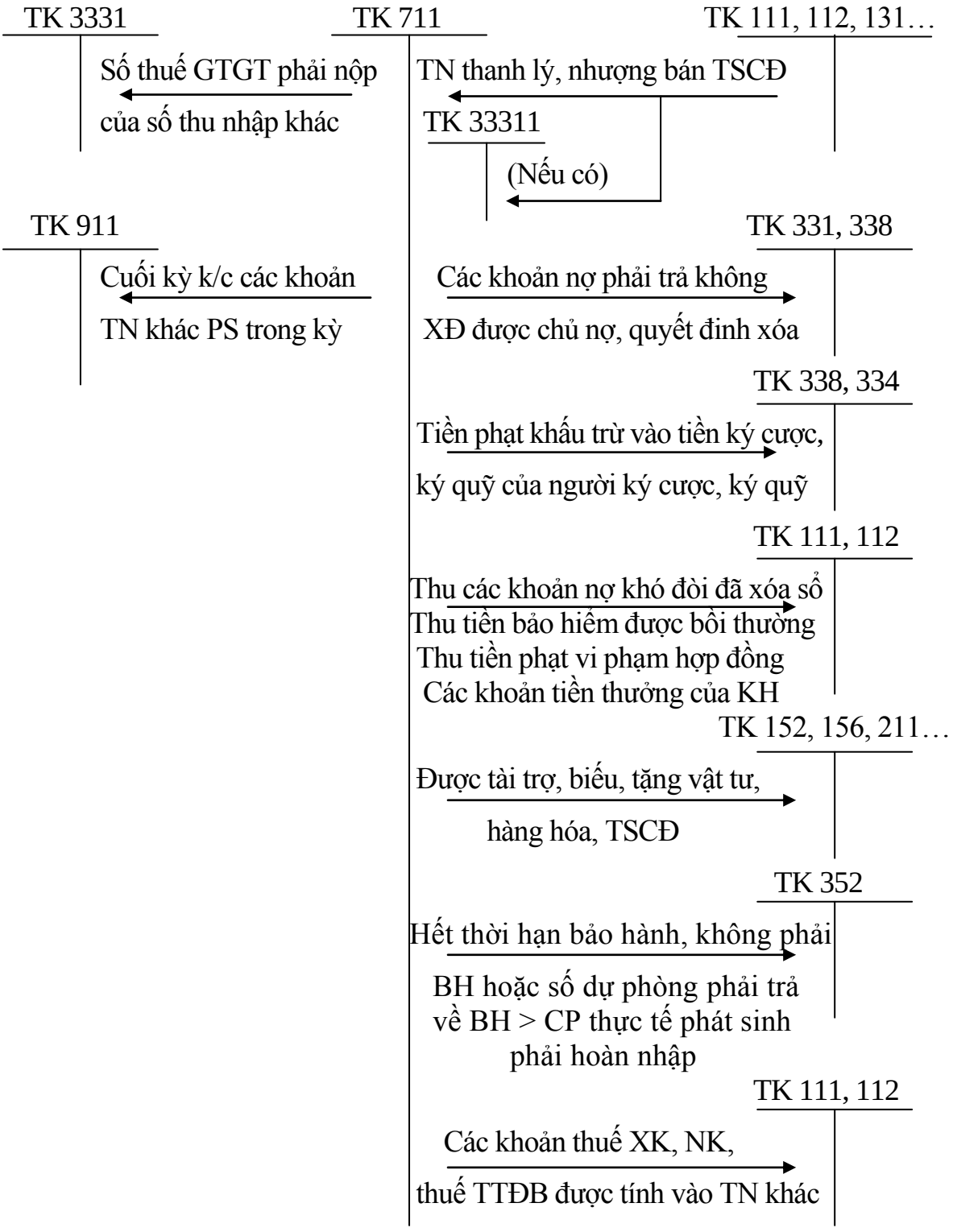

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về chi phí khác

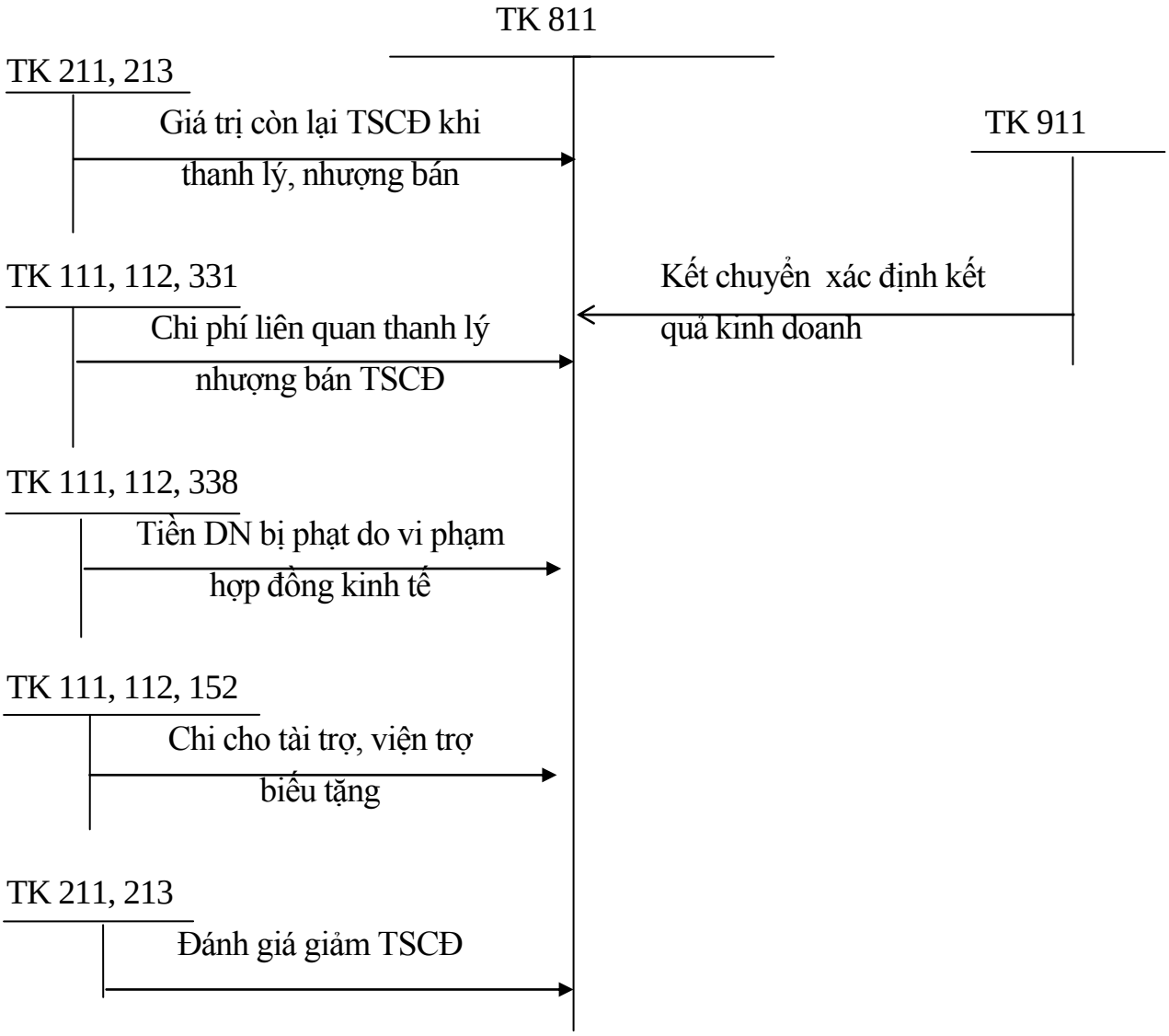

1.3 Tổng quan kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng

❖ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế = *DT để tính thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế* - *CP hợp lý trong năm tính thuế* + *Thu nhập chịu thuế khác trong năm tính thuế*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = *Thu nhập chịu thuế* × *Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp*

Hiện nay thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

Sơ đồ 1.9.a: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

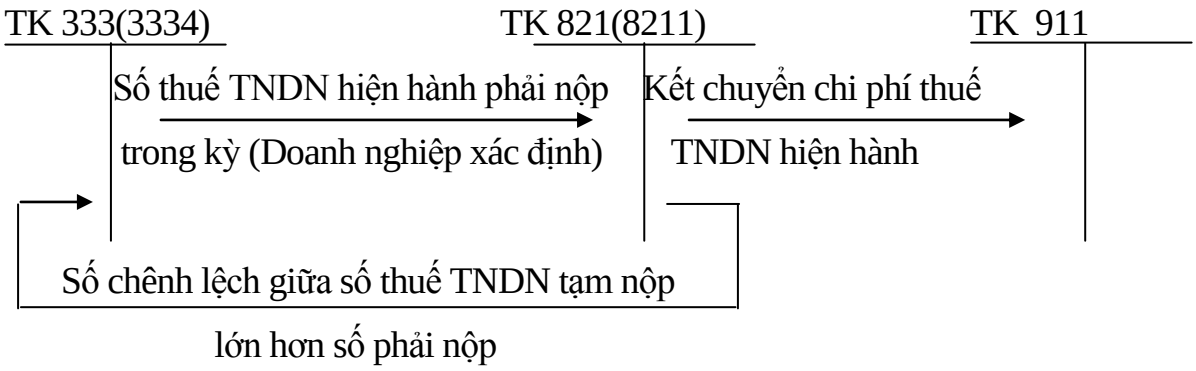

Sơ đồ 1.9.b: Sơ đồ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

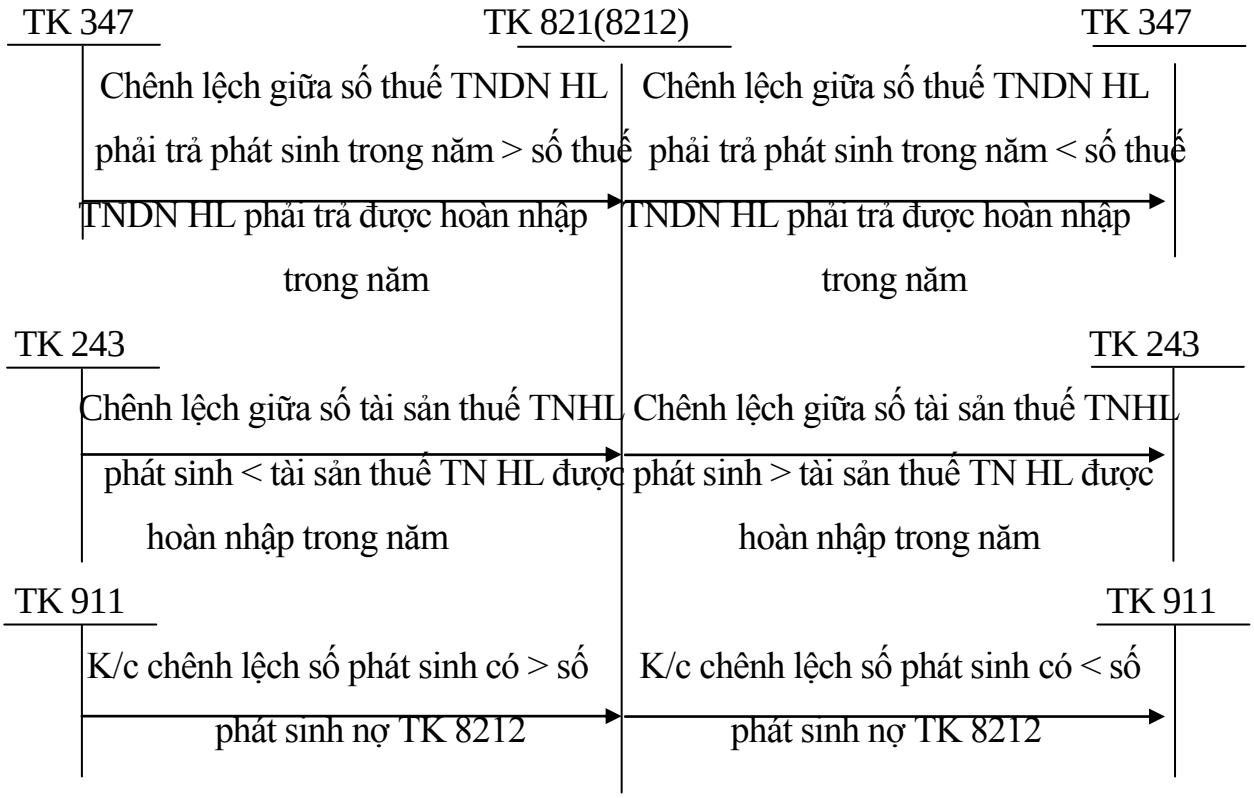

1.3.2 Tổng quan về kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.2.1 Phương pháp hạch toán

Kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

Kết quả		Kết quả hoạt động		Kết quả hoạt		Kết quả hoạt
	=		+		+	
kinh doanh		sản xuất, kinh doanh		động tài chính		động khác

Trong đó:

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.2.2 Sổ sách và tài khoản sử dụng

a. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 511, 512, 515, 632, 641, 642, 711, 811, 821, 911, 421…
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo biểu tài chính

b. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh:** TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 421-Lợi nhuận chưa phân phối** : TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 421

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nơ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ:

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có:

Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán xác định kết quả kinh doanh

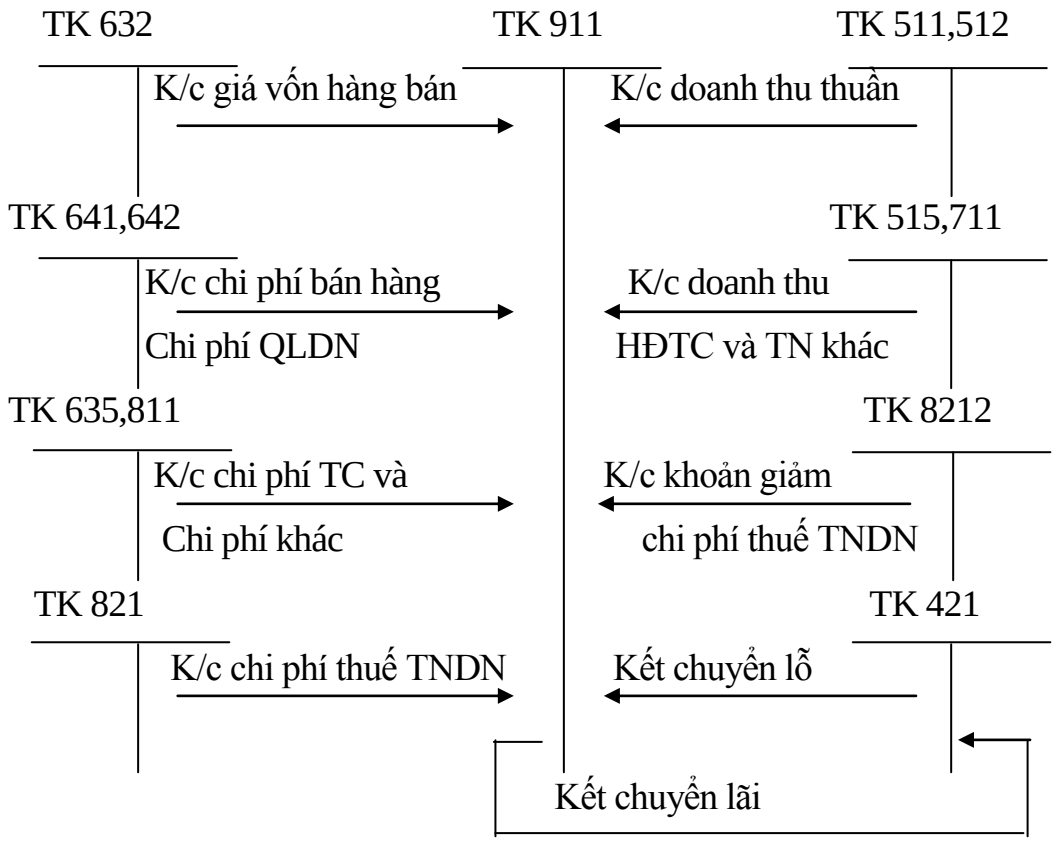

<u>Sơ đồ 1.11</u>: Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

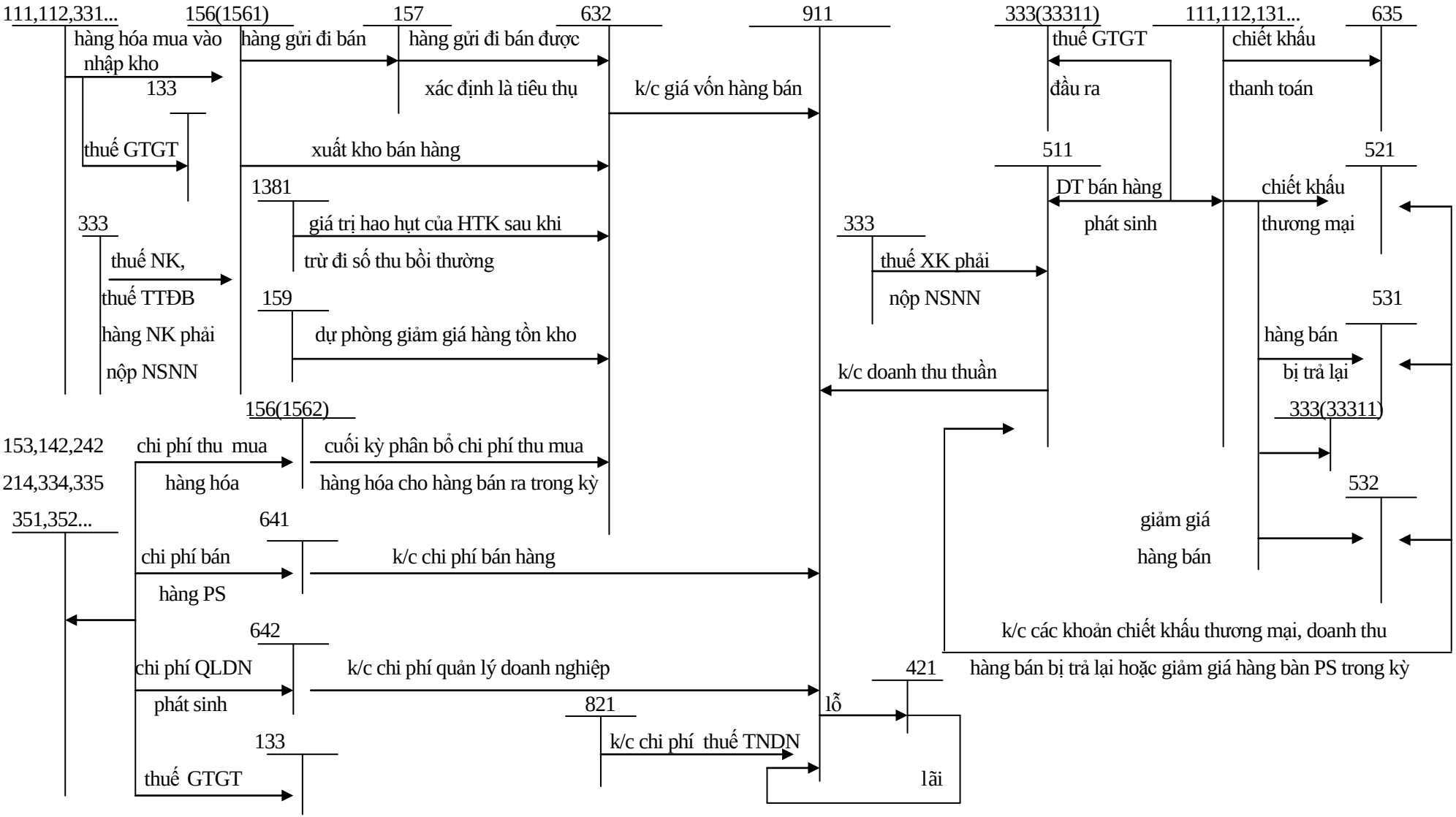

1.4 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản ly kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Số cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.4.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăn ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định

1.4.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán

Theo quy trình của phần mềm kết toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái…) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thuyền và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

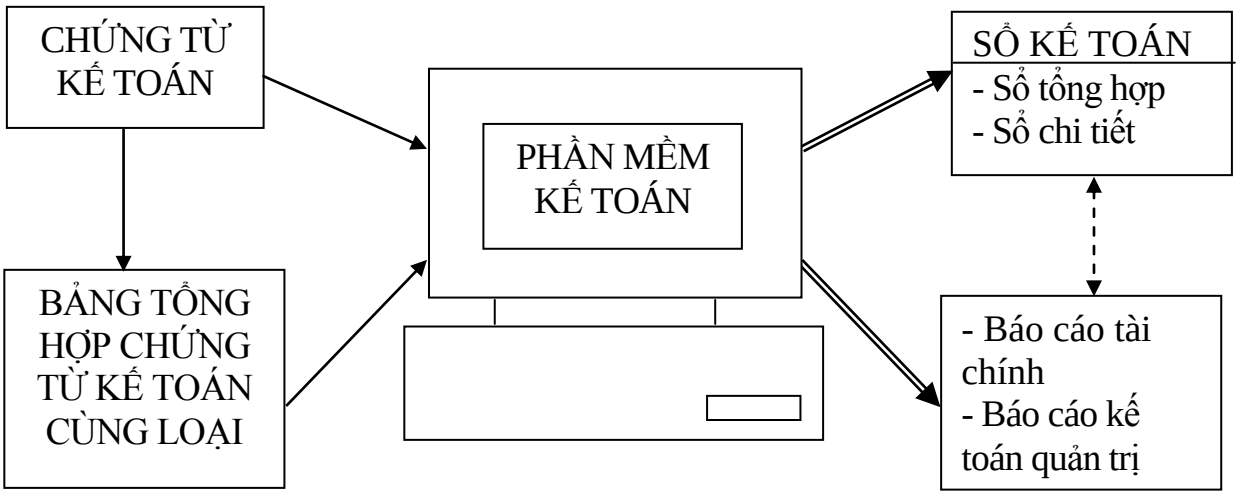

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ

Đối chiếu, kiểm tra

PHẦN II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 583- CÔNG TY SÔNG HỒNG

2.1 Tổng quan về Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

2.1.1.1 Tên, địa chỉ, quy mô của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Tên Xí nghiệp: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Tên tiếng Anh: ENTERPRISE No. 583

Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhà nước

Trụ sở: Km số 3 - Phường Sở Dầu- Quận Hồng Bàng- Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: (0313)852596

Fax: (0313)852596

Email: XN583@vnn.vn

Mã số thuế: 0200138742- 002

2.1.1.2 Cơ sở và quyết định thành lập Xí nghiệp.

Xí nghiệp 583 tiền thân là Xí nghiệp cung ứng vật tư XNK – QK3 được thành lập theo quyết định số 246/BTL ngày 22 tháng 4 năm 1993 của Tư lệnh Quân khu 3

Căn cứ vào nghị định 388/ HĐBT của hội đồng bộ trưởng (nay là chính phủ) về việc thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, tháng 7 năm 1993 XN Cung ứng vật tư XNK được đổi tên thành Xí nghiệp 583 theo Quyết định số 346 / QĐQP ngày 27 tháng 7 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tháng 3 năm 1998, Xí nghiệp được điều động về trực thuộc công ty Sông Hồng – Quân khu 3 theo quyết định số 324 / BTL ngày 19 tháng 3 năm 1998 của Bộ Tư Lệnh QK3

Đăng kí hoạt động sản xuất kinh doanh số 308862 do sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 4 năm 1998.

Địa điểm kinh doanh tại km số 3- Quốc lộ 5 thuộc địa bàn phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

Từ năm 1993 đến tháng 8 năm 1994 trụ sở kinh doanh tại số 5 Nguyễn Tri Phương - Phường Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Từ tháng 9 năm 1994 Xí nghiệp được chuyển về kinh doanh tại Km số 3 - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng.

Cũng từ việc ổn định được trụ sở, Xí nghiệp đã khai thác kinh doanh các mặt hàng là thế mạnh của mình như : Nông sản , sắt thép , cao su …

Sau một thời gian kinh doanh ổn định , Xí nghiệp đã có vốn tự có thể xây dựng lại trụ sở làm việc một cách khang trang và quy hoạch.

Vào tháng 7 năm 1997 Xí nghiệp kí một hợp đồng hợp tác liên doanh với cục Đăng Kiểm Việt Nam liên doanh liên kết làm trạm kiểm định xe ôtô, cơ giới , liên doanh này ngày một phát triển, mang lại nguồn thu ổn định hàng tháng cho Xí nghiệp.

Đầu năm 2001 với sự mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm ban lãnh đạo Xí nghiệp đã quyết định vay vốn của ngân hàng để xây dựng một xưởng cắt tôn , đồng thời mua một xe cần cẩu phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chính của xưởng và làm dịch vụ cho các đơn vị bạn. Xưởng này đã tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 20 lao động.

Với sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ công nhân viên, sự lãnh đạo sáng suốt, nhạy bén ,có kinh nghiệm của ban lãnh đạo, Xí nghiệp 583 đã dần ổn định và ngày càng vững bước phát triển.

2.1.1.3 Ngành nghề kinh doanh

- ❖ Đại lý kinh doanh kim khí, vận tải xây dựng
- ❖ Kinh doanh vật tư,thiết bị kỹ thuật và hàng thanh xử lý.
- ❖ Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu.
- ❖ Cho thuê nhà xưởng, kho tàng, bến bãi.
- ❖ Kinh doanh hàng nông sản

2.1.1.4 Sơ đồ bộ máy tổ chức của Xí nghiệp

Sơ đồ bộ máy tổ chức tại Xí nghiệp

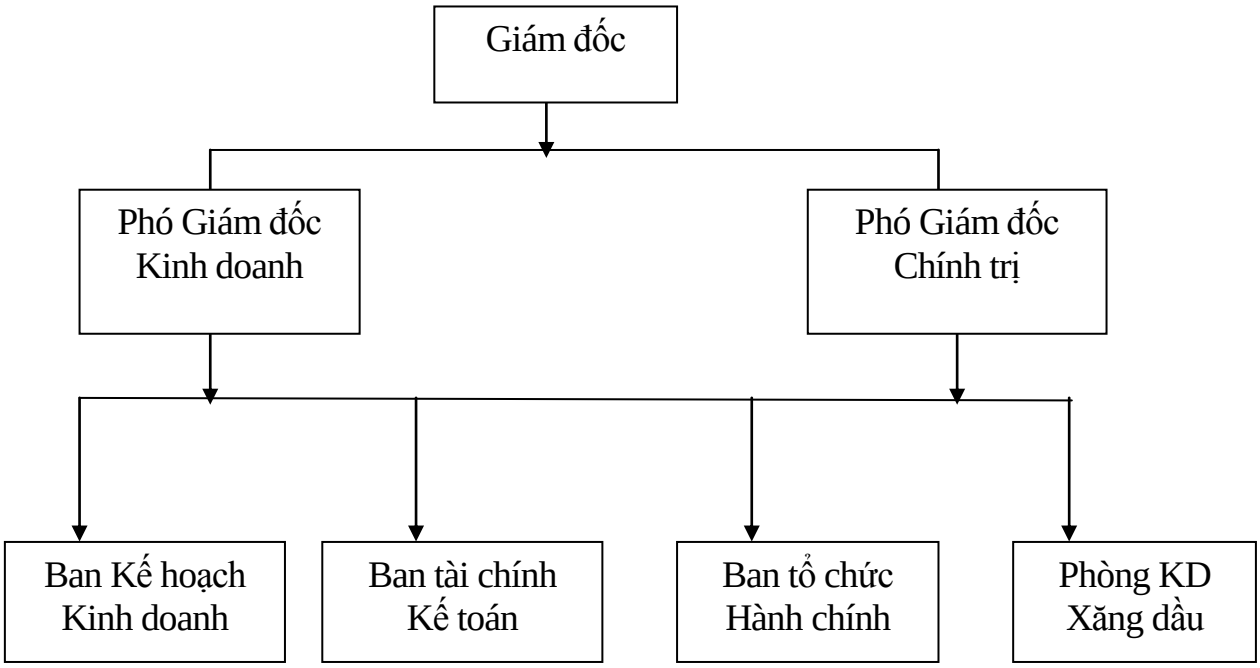

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

2.1.2 Những thuận lợi, khó khăn của Xí nghiệp năm 2010

2.1.2.1 Thuận lợi

Những thuận lợi của Xí nghiệp

- Địa điểm kinh doanh tại km số 3- Quốc lộ 5 thuộc địa bàn phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng. Là khu tam giác kinh tế Hải Phòng- Hà Nội - Quảng Ninh, là cửa ngõ thông thương giữa Hải Phòng và Hà Nội và các tỉnh lân cận khác. Địa hình rất thuận lợi cho việc lưu thông hàng hoá.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức đều qua trường lớp đào tạo cơ bản và trải qua nhiều năm thực tế có nhiều kinh nghiệm.

- Ban giám đốc Xí nghiệp rất năng động nhạy bén lắm bắt tình hình thị trường. Ban giám đốc đề ra được phương án kinh doanh tối ưu. Từ cán bộ đến công nhân viên trong Xí nghiệp đều nhiệt tình gắn bó và trách nhiệm cao trong công việc. Đồng thời được cấp trên và các ngành nghiệp vụ chuyên môn khác cùng với các cơ quan chức năng chỉ đạo và tận tình giúp đỡ.

- Xí nghiệp có những mối quan hệ hợp đồng chặt chẽ với doanh nghiệp bạn đã có nhiều kinh nghiệm nhất là những doanh nghiệp cùng ngành, do vậy hàng hoá của Xí nghiệp bán ra đã tạo được uy tín trên thị trường.

2.1.2.2 Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi trên, Xí nghiệp gặp phải nhưng khó khăn sau:

- Giá cả thị trường trong nước nhiều biến động có chiều hướng gia tăng.

- Biên chế công tác của đơn vị mỏng, không ổn dịnh, nghành nghề kinh doanh tại Xí nghiệp chưa thực sự bứt phá.

- Khó khăn ách tắc lớn nhất là chưa khai thông được nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh thương mại.

- Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là sự kiện Việt Nam chính thức gia nhập công tác thương mại thế giới WTO vào đầu tháng 1/2007 vừa qua đánh đấu một bước phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức rất lớn đối với Xí nghiệp. Gia nhập WTO nền kinh tế bắt đầu mở cửa đối với các doanh nghiệp nước ngoài, đó là những đối thủ cạnh tranh cực kì nặng kí của Xí nghiệp. Xí nghiệp phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ và phải cố gắng nhiều hơn để không bị loại ra khỏi thị trường.

2.1.2.3 Những thành tích đạt được của Xí nghiệp trong những năm gần đây

Một số chỉ tiêu thành tích cơ bản Công ty đã đạt được trong những năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Năm 2009	Năm 2010	So sánh	
			Chênh lệch	%
Doanh thu thuần	7.272.172.309	18.327.038.224	11.054.865.915	60,32
Lợi nhuận trước thuế	151.318.211	331.631.585	180.313.374	54,37
Lợi nhuận sau thuế	84.800.570	248.723.689	163.923.119	65,91
Nộp ngân sách Nhà Nước	193.530.943	413.865.890	220.334.947	53,24
Thu nhập bình quân người/ tháng	2.050.000	2.700.000	650.000	24,27

Nhìn vào bảng trên ta thấy rằng:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 của Xí nghiệp = 18.327.038.224 tăng. 11.054.865.915 đồng và tăng 60,32 % so năm 2009, điều này cho thấy Xí nghiệp đã làm tốt công tác bán hàng

- Lợi nhuận trước thuế của Xí nghiệp năm 2010 đạt 331.631.585 đồng tăng 54, 37% so lợi nhuận trước thuế của Xí nghiệp năm 2009

- Lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp năm 2010 đạt 248.723.689 đồng tăng 65,91 % so năm 2009

- Xí nghiệp nộp ngân sách Nhà nước năm 2010 là 413.865.890 đồng tăng 53,24 % so năm 2009

- Cuối cùng thu nhập bình quân đầu người trên tháng năm 2010 đạt 2.750.615 đồng tăng 24,27 % so thu nhập bình quân đầu người/ tháng năm 2009

2.1. 3 Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán của Xí nghiệp được tổ chức gọn nhẹ những vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của Xí nghiệp được công tác theo hình thức bộ máy kế toán TẬP TRUNG, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của đơn vị.

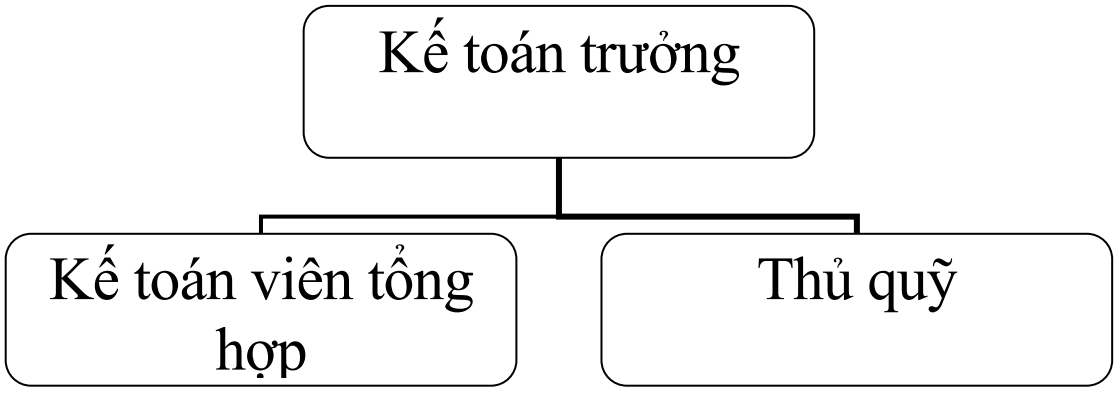

Sơ đồ 2.2 : Công tác bộ máy kế toán của Xí nghiệp 583

Chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

- Kế toán trưởng: Chỉ đạo việc hạch toán các phần hành kế toán, kiểm tra đôn đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của Xí nghiệp, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các

quyết định hợp lý.Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các kế toán viên lập Báo biểu tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp và tiến hàng hạch toán lên đơn vị chủ quản.

- **Kế toán tổng hợp**: hạch toán các phần hành kế toán riêng lên sổ tổng hợp, sau đó điều chỉnh và tập hợp Báo biểu tổng hợp, lên Báo biểu quyết toán. Mở sổ theo dõi các quỹ tại Xí nghiệp.

- **Thủ quỹ**: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và Báo biểu với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

2.1.3.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp

a. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp sử dụng

- Xí nghiệp 583 áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Xí nghiệp vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

- Với những đặc điểm kế toán nói trên và để đáp ứng công tác quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán là: Nhật ký chung

- Kì kế toán năm: bắt đầu từ 01/01 đến 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND)

- Phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ

- Hình thức khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đều (khấu hao đường thẳng)

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

b. Trình tự ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

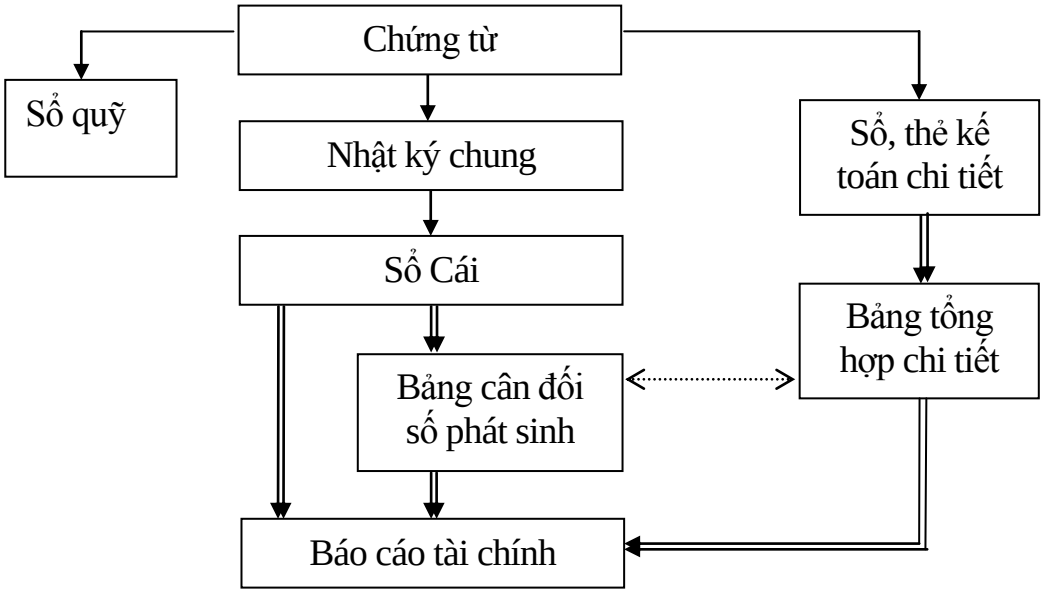

Chú thích:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ các nghiệp vụ phát sinh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ phát sinh được sự kiểm tra kĩ lưỡng của Kế toán trưởng và Giám đốc Xí nghiệp được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh và sổ Nhật kí chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các TK kế toán phù hợp. Tại Xí nghiệp đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh, đồng thời cộng số liệu trên bảng tổng hợp các tài khoản để kiểm tra đối chiếu số liệu với sổ cái làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng là doanh nghiệp thương mại vì thế doanh thu của Xí nghiệp chủ yếu từ hoạt động bán hàng hóa, ngoài ra tại Xí nghiệp còn có doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng Xí nghiệp, cho thuê kho bãi, cho thuê nhà xưởng.....

2.2.1.1 Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp

Hiện nay Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương pháp này giúp Xí nghiệp quản lý vốn chặt chẽ, tránh tình trạng chiếm dụng vốn lâu dài, dễ dàng trong việc hạch toán kế toán

2.2.1.2 Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Xí nghiệp

Xí nghiệp luôn thu tiền ngay sau khi đã bán hàng cho khách hoặc thanh toán chậm nhưng phải có sự ràng buộc, đó chính là hợp đồng bán hàng và cung cấp dịch vụ ...được ký kết giữa Xí nghiệp và bên nhận hàng hóa dịch vụ

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay, với số tiền thanh toán dưới 20.000.000 đồng. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm trả: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên có uy tín với doanh nghiệp và tuân theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa Xí nghiệp và khách hàng

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi Xí nghiệp thực hiện giao hàng xong, bản thân người mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế. Bắt buộc đối với những số tiền thanh toán trên 20.000.000 đồng

2.2.1.3 Nguyên tắc và thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi doanh thu được xác nhận là tương đối chắc chắn. Xí nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ đó sau khi dịch vụ đã hoàn thành và đã phát hành hoá đơn

Doanh thu bán hàng tại Xí nghiệp bao gồm :

- Doanh thu từ hoạt động bán xăng dầu, đây là nguồn thu chính của Xí nghiệp. Một đặc điểm khác của Xí nghiệp là doanh thu từ bán xăng dầu tại phòng kết toán Xí nghiệp đều tiến hành thu qua công nợ. Tức là hàng ngày nhân viên bán hàng tiến hành bán hàng cho khách, đến cuối ngày trưởng ban xăng dầu tại Xí nghiệp tiến hành tổng hợp tiền bán hàng và bảng kê bán lẻ hàng hóa cho khách cùng hóa đơn GTGT đã viết

- Hóa đơn GTGT bán xăng dầu tại Xí nghiệp bao gồm:

1.Đối với những khách hàng mà số tiền thanh toán trên 200.000 đồng, Xí nghiệp xuất hóa đơn cho khách, hóa đơn bán hàng do trưởng ban xăng dầu viết. Kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 1111: tổng giá thanh toán

Có TK 5111: số lượng × đơn giá bán

Có TK 3331: số lượng × đơn giá bán × 10%

Có TK 138: số lượng × LPXD

+ TK 138: lệ phí xăng dầu(LPXD) đây là khoản phí mà Xí nghiệp thu hộ cho bến bán nộp hộ cho bên bán vào ngân sách Nhà Nước. Theo quy định của Nhà nước thì LPXD của xăng: 1000 đồng/ lít ; dầu 500 đồng / lít, nhớt 238 đồng/ lít).

+ Xí nghiệp bán xăng dầu theo giá do quy định của Nhà Nước : giá Xăng là 16.400 đồng/ lít; dầu là 14.750 đồng/ lít….

Theo đó đơn giá bán 1 lít xăng = (16.400 – 1.000) : 1,1 = 14.000 đồng/ lít

1 lít dầu = (14.750 – 500) : 1.1 = 12.954, 545 đồng/ lít

2.Đối với những khách hàng mà số tiền thanh toán dưới 200.000 đồng, Xí nghiệp không phải xuất hóa đơn cho khách hàng. Cuối ngày bán hàng, trường ban xăng dầu tổng hợp số tiền bán hàng do nhân viên bán hàng nộp đối chiếu với số lít trên đồng hồ cây

xăng dầu, nhằm kiểm tra lại số tiền nhân viên bán hàng đã nộp đủ chưa đồng thời lấy tổng số lít xăng , dầu đã bán trong ngày trừ đi số lít xăng dầu bán cho khách mà khách hàng đã lấy hóa đơn, để tính tổng số lít xăng dầu bán lẻ cho khách trong ngày, trưởng ban xăng dầu sẽ viết vào một hóa đơn GTGT tổng số hàng hóa này với nội dung là bán lẻ hàng hóa cho khách vãng lai. Kế toán cũng định khoản như trên.

Đến ngày hôm sau trưởng, ban xăng dầu nộp tiền , bảng kê bán lẻ hàng hóa cùng với HĐ GTGT cho ban kế toán. Sau khi thủ quỹ nhận tiền, kế toán tổng hợp tiến hành viết phiếu thu. Trên phiếu thu định khoản như sau:

Nợ 1111:

Có 131:

Đối với những khách hàng mua xăng dầu thường xuyên của Xí nghiệp có hợp đồng mua bán được ký kết giữa hai bên, Xí nghiệp cho khách hàng nợ tiền mua xăng dầu, đến ngày 25- 30 hàng tháng khách hàng phải thanh toán toàn bộ số tiền mua xăng dầu trong tháng cho Xí nghiệp. Nếu khách hàng chưa thanh toán Xí nghiệp tiến hành tính lãi số tiền khách hàng trậm trả cho đơn vị bắt đầu từ ngày mồng một tháng sau, với mức lãi suất 2% tháng.

Ngoài ra Xí nghiệp có doanh thu từ việc bán hàng thanh xử lý, doanh thu từ kinh daonh vật liệu xây dựng, kinh doanh hàng nông sản….

- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp là doanh thu từ việc cho thuê nhà xưởng, cho thuê bãi tập kích hàng hóa, cho thuê nhà văn phòng….

b. Thời điểm ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu bán hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm bên mua nhận hàng hoá đơn GTGT và chấp nhận thanh toán

Đối hoạt động cho thuê văn phòng, kho tàng bến bãi thì thời điểm ghi nhận doanh thu vào ngày cuối cùng của tháng, khi các đơn vị thuê thanh toán tiền thuê văn phòng, kho tàng bến bãi cho Xí nghiệp

2.2.1.4 Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng đối với kế toán bán hàng

a. Các loại doanh thu tại Xí nghiệp

Để thuận tiện cho việc theo dõi phản ánh chính xác từng loại doanh thu, Xí nghiệp mở chi tiết cho từng loại doanh thu:

- 511: Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

+ 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+ 5112: Doanh thu cung cấp dịch vụ

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hoá
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng....

c. Sổ sách kế toán sử dụng

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ cái TK 511,632, 911, 421…
- Sổ chi tiết công nợ theo dõi cho từng đối tượng khách hàng
- Các sổ sách liên quan: sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết TGNH...
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

d. Mô hình luân chuyển chứng từ

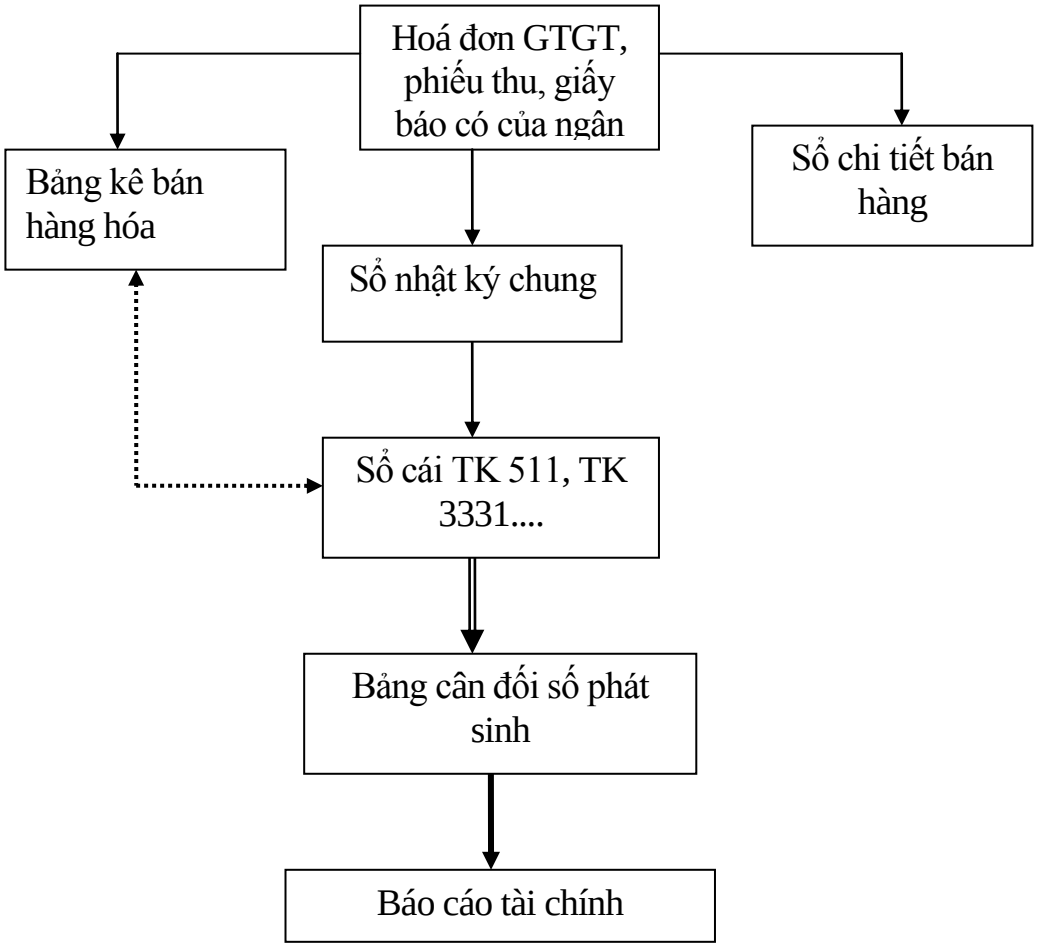

Chú thích:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⟹

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ◄·····►

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Ví dụ 1 Ngày 02/12/2010 tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ bán Xăng A92 cho công ty Cổ phần Thương Mại Xây dựng 379 theo hóa đơn số 0037378 với số tiền là 1.750.000, thuế suất thuế GTGT 10%.

Nhân viên bán hàng tiến hành bán hàng theo yêu cầu của khách hàng, sau đó trưởng ban xăng dầu của Xí nghiệp viết Hoá đơn GTGT cho khách, gồm ba liên:

Liên 1: Màu tím lưu lại cuống để cơ quan thuế kiểm tra

Liên 2: Màu đỏ giao khách hàng

Liên 3: Màu xanh làm căn cứ ghi sổ kế toán

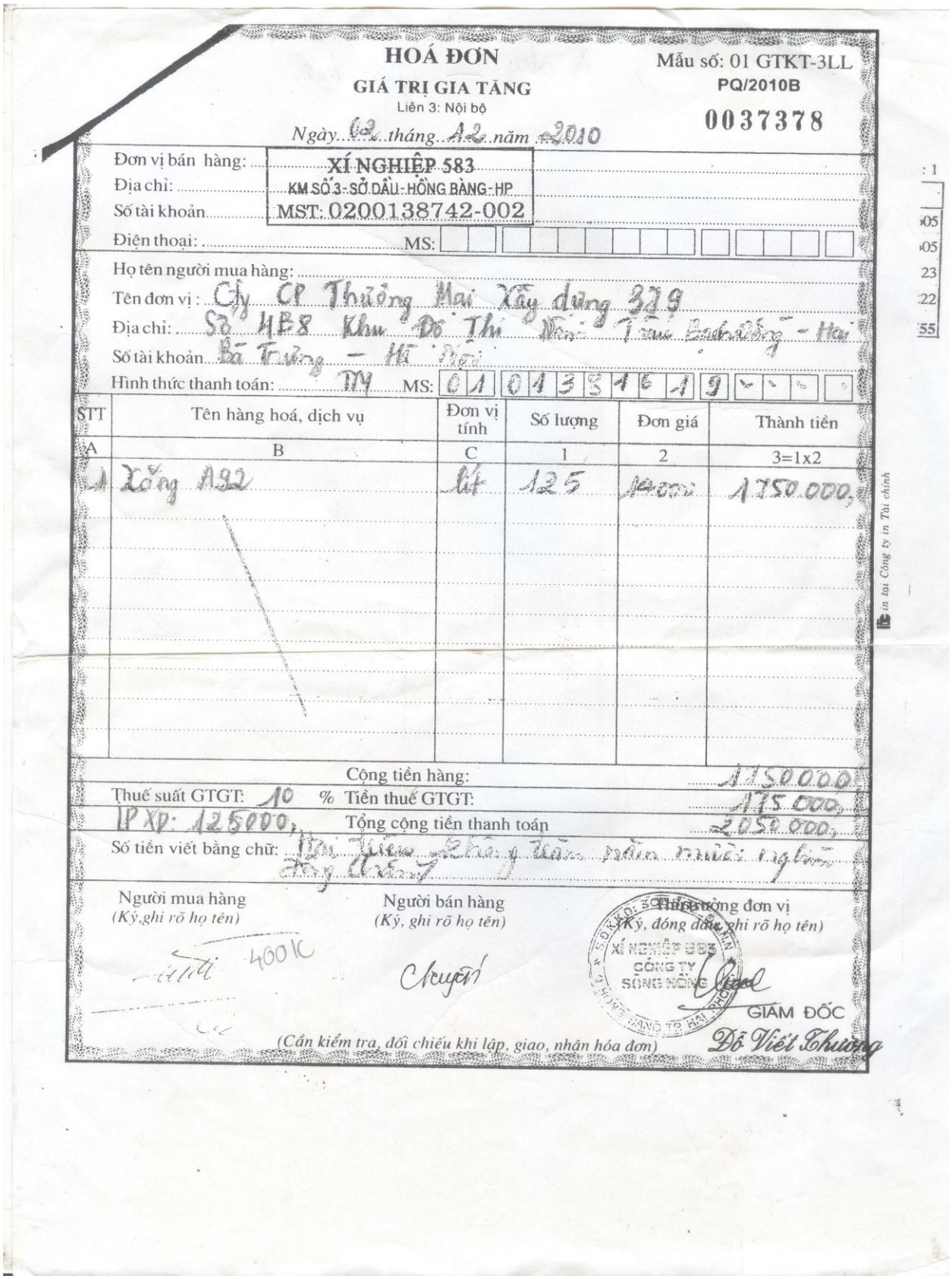

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

PQ/2010B

0037378

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: XÍ NGHIỆP 583

Địa chỉ: KM SỐ 3 - SỞ DẦU - HỒNG BÀNG - HP

Số tài khoản: MST: 0200138742-002

Điện thoại: MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty CP Thương Mại Xây dựng 319

Địa chỉ: Số 4B8 Khu Đô Thị Nam Trung Yên Cầu Giấy - Hà Nội

Số tài khoản Ba Trung - Hà Nội

Hình thức thanh toán: TM MS: 0 1 0 1 3 5 1 6 1 9

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xăng A92	Lít	125	14000	1.750.000,

Cộng tiền hàng: 1750000

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 175.000,

PXD: 125000, Tổng cộng tiền thanh toán 2.050.000,

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÍ NGHIỆP 583 CÔNG TY SÔNG HỒNG

GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Thường

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Cuối ngày 02/12 trưởng ban xăng dầu tổng hợp tiền bán hàng trong ngày cùng với hóa đơn GTGT, sáng ngày 3/12 chuyển phòng kế toán. Căn cứ vào số tiền nộp cho thủ quỹ, kế toán viết "Phiếu thu " số 03/12 ngày 03/12/2010 gồm 3 liên, 1 liên lưu tại cuống, 1 liên giao cho khách hàng, 1 liên thủ quỹ giữ lại.Trên phiếu thu tiền mặt kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 18.171.000

Có TK 131 : 18.171.000

Đơn vị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng
Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: 01- TT
(*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

PHIẾU THU
Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Quyển số:
Số: 03/12
Nợ 1111.1 : 18.171.000
Có 131: 18.171.000

Họ tên người nộp tiền: Lê Thị Tuyến
Địa chỉ:
Lý do thu: Thu tiền bán xăng dầu ngày 02/12/2010
Số tiền: **18.171.000** ***đồng*** (viết bằng chữ) ***Mười tám triệu một trăm bảy mốt nghìn đồng chẵn***
Kèm theo:.....chứng từ gốc…. …….

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): ***Mười tám triệu một trăm bảy mốt nghìn đồng chẵn***

Từ HĐ GTGT kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp tiến hành vào Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra, Sổ chi tiết bán hàng xăng A92 tháng 12/2010

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT tháng 12 năm 2010)

(Dùng cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế tờ khai hàng tháng)

Tên cơ sở kinh doanh: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng Mã số: 0200138742-002

Địa chỉ: Km số 3- Phường Sở Dầu- Quận Hồng Bàng- Hải Phòng

Hoá đơn, chứng từ bán				**Tên người mua**	**Mã số thuế của người mua**	**Mặt hàng**	**Doanh số bán (chưa có thuế)**	**Thuế suất**	**Thuế GTGT**	**Ghi chú**
Mẫu số	**Ký hiệu**	**Số**	**Ngày**							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
….	…	…	…	…	…	..	..	..	…	…
01GTGT	QB/2010B	37375	02/12/2010	Cty CP Cường Thịnh	0600298236	Dầu Dizel	4.795.159	10%	479.516	
01GTGT	QB/2010B	37376	02/12/2010	Cty xây dựng Thành Lộc	0210640055102	Dầu Dizel	2.898.305	10%	289.830	
01GTGT	QB/2010B	37377	02/12/2010	Cty TNHH Tuấn Đạt	0101356653	Dầu Dizel	1.150.000	10%	115.000	
01GTGT	**QB/2010B**	**37378**	**02/12/2010**	**Cty CP TMXD 379**	**0101381619**	**Xăng A92**	**1.750.000**	**10%**	**175.000**	
01GTGT	QB/2010B	37379	03/12/2010	Cty TNHH TM Thái Anh	0200158790-002	Dầu Dizel	1.917.273	10%	191.730	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
				Tổng cộng			**2.256.122.263**		**225.612.226**	

Người lập biểu **Đại diện doanh nghiệp**

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Xăng A92

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531, 532)
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/12	HĐ 0037370	01/12	Bán lẻ xăng A92 khách vãng lai	131	734	14.000	10.276.000	1.027.600	
02/12	HĐ 0037371	01/12	Bán xăng cho Cty Thiên Hòa An	131	51,64	14.000	722.960	72.296	
02/12	HĐ 0037372	01/12	Bán xăng cho Cty Sông Hồng	131	36	14.000	500.000	50.000	
03/12	**HĐ 0037378**	**02/12**	**Bán xăng A92 cho Cty CP TM Xây dựng 379**	**131**	**125**	**14.000**	**1.750.000**	**175.000**	
03/12	HĐ 0037380	02/12	Bán lẻ xăng cho khách vãng lai	131	679,93	14.000	9.519.020	951.902	
..	...	...	...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng số phát sinh	-	25.878	-	1.378.569.423	137.856.942	

- Sổ này có 55 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 55
- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày ...tháng ..... năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Trích một trang sổ)

Từ phiếu thu kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung.

Đơn vị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03a- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số trang trước chuyển sang			
…	…		....	...	....	…
02/12	UNC 054	02/12	Trả tiền vay vốn kinh doanh theo hợp đồng vay vốn số 04	331	100.000.000	
				641	20.000	
				13312	2.000	
				11214		100.022.000
02/12	GBC 024	02/12	NH báo có, Cty Cường Thịnh trả tiền mua hàng hóa T11/10	11214	300.000.000	
				131		300.000.000
03/02	PC 02/12	03/12	Trả tiền mua 03 nắp bọc chân cây xăng	153	13.260.000	
				1111		13.260.000
03/12	**PT 03/12**	**03/12**	**Thu tiền bán hàng ngày 02/12/2010**	**1111**	**18.171.000**	
				131		**18.171.000**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	....
			Cộng số phát sinh		**20.062.394.210**	**20.062.394.068**

- Sổ này có 15 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 15
- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày ...tháng ..... năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Từ Nhật ký chung, kế toán tổng hợp số liệu tiến hành ghi vào Sổ cái TK 511 và các sổ kế toán liên quan

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng hóa

Số hiệu : 511

Đơn vị tính: đồng

TK	TK ĐƯ	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
		- Số dư đầu kỳ	**0**	
		- SPS trong kỳ		
5111	1111	Tiền mặt tại quỹ Xí nghiệp		7.000.000
5111	131	Phải thu khách hàng		2.187.531.354
5111	911	Xác định kết quả kinh doanh	2.194.531.354	
5112	1111	Tiền mặt tại quỹ Xí nghiệp		9.772.727
5112	131	Phải thu khách hàng		51.818.182
5112	911	Xác định kết quả kinh doanh	61.590.909	
		- Cộng SFS	**2.256.122.263**	**2.256.122.263**
		- Số dư cuối kì	**0**	

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 12
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Cùng với việc ghi nhận doanh thu kế toán tiến hành theo dõi khoản phải thu của khách hàng trên sổ chi tiết theo dõi công nợ. Mỗi khách hàng hoặc đơn vị khách hàng được theo dõi trên một hoặc một số trang sổ tuỳ theo các nghiệp vụ kế toán phát sinh. Sổ này được mở cho cả năm. Đối với các khách hàng thanh toán ngay tiền hàng cho Xí nghiệp bằng tiền mặt, kế toán tiền hành ghi vào sổ kế toán quỹ tiền mặt. Sổ này cũng được kế toán mở cho cả năm để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt tại Xí nghiệp

Dưới đây là Sổ quỹ tiền mặt và Sổ Cái TK 131 tháng 12-2010, Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S07- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 12 năm 2010

Loại quỹ: **Tiền Việt Nam**

Đơn vị tính: đồng

NT CT	SH CT		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			- Tồn đầu tháng			**69.797.015**
.	.....	....	.....	.....	.....	.....
01/12		PC 01/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng đầu tư HP		300.000.000	69.797.015
02/12	PT 02/12		Thu tiền bán xăng dầu ngày 01/12	16.175.000		85.878.365
03/12		PC 02/12	Trả tiền mua 03 nắp bể xăng và bọc chân cây xăng của Ông Nguyễn Văn Nghiệp		13.260.000	90.789.415
03/12	**PT 03/12**		**Thu tiền bán xăng dầu ngày 02/12**	**18.171.000**		**109.049.365**
....	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**....**
			- ộng số phát sinh	**2.416.488.325**	**2.480.348.243**	
			-Số dư cuối kỳ			**5.937.097**

- Sổ này có 11 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 11
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu : 131

Đơn vị tính: đồng

TK	TK ĐƯ	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
		- Số dư đầu kỳ	**2.830.818.187**	
		- SPS trong kỳ		
131	1111	Tiền mặt tại quỹ Xí nghiệp		1.627.658.100
131	11214	Tiền Việt gửi ngân hàng ĐT & PT Hải Phòng		616.400.000
131	11219	Ngân hàng Á Châu Hải Phòng		420.900.000
131	13312	Thuế GTGT khấu trừ của XN 583		346.943
131	138	Phải thu khác	80.310.854	
131	33311	Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ	223.934.956	
131	5111	Doanh thu bán hàng hóa	2.187.532.354	
131	5112	Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.818.182	
131	515	Doanh thu hoạt động tài chính	13.057.687	
131	641	Chi phí bán hàng		1.856.727
131	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.801.830
		- Cộng SFS	**2.556.653.033**	**2.668.963.600**
		- Số dư cuối kì	**2.718.507.620**	

- Sổ này có 30 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 30

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Đơn vị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Địa chỉ: Km số 3- Phường Sở Dầu- HB- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31/12/2010

Đơn vị: đồng

Mã-Đtpn	Tên khách hàng mua	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Sô dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
131.02	Công ty TNHH TM Thái Anh	216.746.090				216.746.090	
131.03	Đồng Chí Thường	56.000.000				56.000.000	
131.04	Cty TNHH Vinh Hiệp	550.991.754				550991754	
131.05	Công ty Sông Hồng	42.605.600			42.605.600		
131.07	Đồng Chi Cửu	267.166.261		9.512.406.340	9.400.571.140	379.001.461	
131.34	Cty TNHH Cương Hiệp		58.000.000	646.500.000	460.500.000	128.000.000	
131.50	Cty CP Giám định TKV			392.639.632	392.639.632		
131.57	Cty TNHH XNK Hoàng Liên Sơn			332.585.000		332.585.000	
131.58	Cty TNHH TM Hải Thành			259.148.000		259.148.000	
131.59	Cty CP ĐT XD & khái thác khoáng sản Cường			259.148.000	300.000.000		40.852.000
131.60	Cty CPXD & du lịch Tiến An			976.814.233	484.348.092	492.466.141	
131.61	Công ty CP Parus			306.900.000	306.900.000		
131.62	Công ty CP cơ khí Mạo Khê TKV			516.450.000	516.450.000		
131.63	Công ty Thiên Hòa An			100.000.000	100.000.000		
131.64	Công ty TNHH Tuấn Đại			1.794.781.756	1.794.781.756		

131.65	Công ty CPĐTTM Ngọc Hòa			376.000.000	376.000.000		
131.66	DNTNTM Quốc Thắng			12.500.000	15.000.000		2.500.000
131.67	CN Cty TNHHMTV CN Mỏ Việt Bắc			1.297.746.560	1.297.746.560		
131.68	CN Cty CP Đầu tư & XNK Đông			944.666.452	944.666.452		
131.69	Công ty CP Minh Phú			985.129.397	638.208.223	346.921.174	
131.70	Công ty CP Cường Thịnh			1.572.916.908	1.572.916.908		
331.07	Công ty CPTM & Hợp tác đầu tư HN			660.000.000	660.000.000		
Tổng cộng		**1.133.509.705**	**58.000.000**	**20.946.332.363**	**19.303.334.363**	**2.761.859.620**	**43.352.000**
		1.075.509.705				**2.718.507.620**	

Hàng hoá của Xí nghiệp đều được kiểm tra, xem xét rất kĩ lưỡng ngay từ khâu mua, được bảo quản trong kho hoặc giao ngay cho khách hàng. Mặt khác, trong quá trình bán hàng Xí nghiệp chỉ giao cho khách hàng những hàng đủ tiêu chuẩn chất lượng (có sự đồng ý của bên mua) nên giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại hầu như không xảy ra nên Xí nghiệp không có kế toán giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại. Trong quá trình bán hàng Xí nghiệp cũng không phát sinh các nghiệp vụ chiết khấu thương mại. Như vậy, tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng không công tác công tác kế toán các nghiệp vụ chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, hàng hoá của Xí nghiệp chủ yếu tiêu thụ ở thị trường trong nước nên không phát sinh các khoản thuế xuất khẩu. Vậy doanh thu thuần chính là doanh thu theo giá bán

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp

Do đặc diểm là một đơn vị kinh doanh trong ngành thương mại, không tiến hành hoạt động sản xuất sản phẩm nên trong phần hành này em tập hợp chi phí thu mua và tính giá vốn hàng bán. Tại Xí nghiệp tiến hành tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương thức này

$$\text{Đơn giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Xí nghiệp tiến hành kiểm kê hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên.

a. Chứng từ sử dụng

Phiếu nhập kho hàng hóa

Bảng kê bán hàng

Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng…..

b. Tài khoản sử dụng

TK 632, TK 156, TK 111, TK 112, ...

c. Sổ sách kế toán sử dụng

Nhật ký chung

Sổ cái TK 632

Báo cáo Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa

Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

d. Sơ đồ luân chuyển chứng từ giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

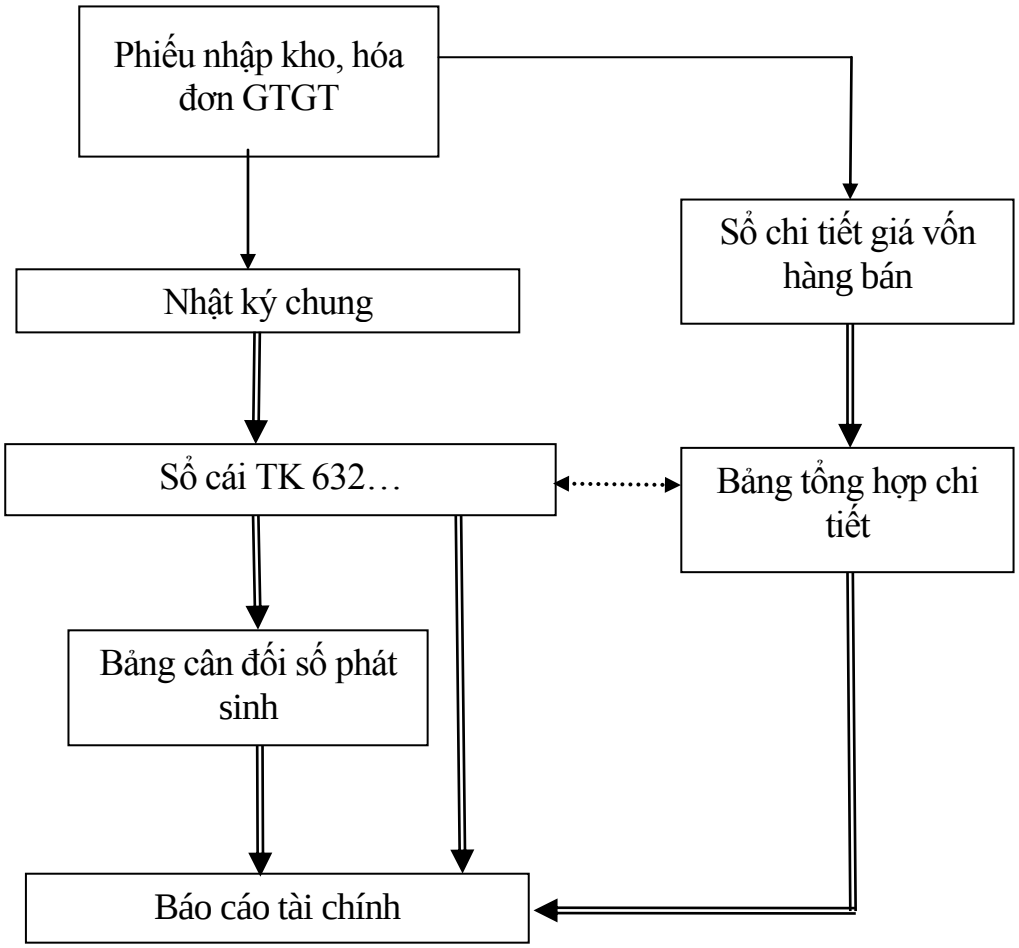

Chú thích:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ═══→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ◄·····►

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán

e. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp

Hàng ngày tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ mua hàng hóa về nhập kho và bán hàng hóa. Kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn bán hàng để vào sổ chi tiết hàng hóa, bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa. Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa để làm căn cứ tính trị giá vốn hàng bán cho từng loại hàng hóa.

Ví dụ 2: Trong tháng 12 năm 2010 tại Xí nghiệp mua 18.123 lít xăng A 92 với giá 13.828 đồng/ lít. Tồn kho đầu kỳ là 16.626 lít với giá là 13.626 đồng/ lít

Theo phương pháp bình quân gia quyền giá vốn xăng A92 là

$$\text{Đơn giá hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Ta có:

$$\text{Đơn giá xuất kho xăng A92} = \frac{16.626 \times 13.626 + 13.828 \times 18.123}{16.626 + 18.123} = \frac{226.545.876 + 250.604.844}{16.626 + 18.123} = 13.731 \text{đồng/ lít}$$

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Bảng tính trị giá vốn hàng Xuất kho

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên hàng	Số lượng(lít)	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
1	Xăng A92	25.878	13.731	355.353.599
	- Xuất bán	25.850	13.731	354.946.350
	- Xuất hao hụt	28	13.731	384.468
2.	Dầu Diezel	34.425	12.706	437.426.430
	- Xuất bán	34.384	12.706	436.883.104
	- Xuất hao hụt	41	12706	520.946
3	Dầu nhớt HD 40	160,83	24.302	3.908.490
	- Xuất bán	160,83	24.302	3.908.490
4	Dầu nhớt thủy lực	134,51	26.142	3.516.450
	- Xuất bán	134,51	26.142	3.516.450
...	...	...	..	...
Tổng cộng		-	-	**1.108.588.239**

Dưới đây là bảng tổng hợp chi tiết nhập xuất tồn hàng hóa tháng 12/2010 của Xí nghiệp và Sổ cái TK 632 tháng 12 tại Xí nghiệp

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

TK	TK ĐƯ	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
		- Số dư đầu kỳ	-	
		- SPS trong kỳ		
632	1111	Tiền mặt tại quỹ Xí nghiệp	15.594.545	
632	156	Hàng hóa	1.108.588.239	
632	331	Phải trả cho người bán	1.029.440.123	
632	911	Xác định kết quả kinh doanh		2.153.622.907
		- Cộng SFS	**2.153.622.907**	**2.153.622.907**
		- Số dư cuối kì	-	

- Sổ này có 20 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 20
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒNG HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2010

Tên loại vật tư	Đơn vị	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
		Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
156.01 Xăng MOGAS 92	Lít	13.626	16.626	226.547.012	13.828	18.123	250.622.104	13.731	25.878	355.353.599	13.731	8.871	121.815.517
156.02 Dầu Diezel	Lít	12.500	18.751	234.392.389	12.873	23.339	299.032.687	12.706	34.425	437.426.430	12.706	7.555	95.998.646
156.03 Dầu nhớt HD 40	Lít	24.302	501	12.175.302				24.302	160,83	3.908.490	24.302	340	8.266.812
156.04 Dầu nhớt thủy lực	Lít	26.142	429,16	11.219.390				26.142	134,51	3.516.450	26.142	294	7.702.940
156.11 Dầu cầu	Lít	30.036	190,76	5.729.698				30.036	16	480.579	30.036	174	5.249.119
156.12 Dầu nhờn Kixx Dynamic CF/SF 20W50	Lít	43.847	156	6.840.174				43.847	15	657.709	43.847	141	6.182.465
156.13 Dầu thủy lực GS Hydro HD 46	Lít	37.620	124	4.664.881	42.483	200	8.496.727	40.622	120,5	4.894.982	40.622	203	8.266.626
156.25 Cáp ngầm 6-12kv 3× 50	Mét	703.000	250	175.750.000				703.000	250	175.750.000			
156.26Đầu nối cáp 15kv	Cái	4.450.000	04	17.800.000				4.450.000	04	17.800.000			
156.27 Bánh răng Z110 M6	Cái	24.700.000	02	49.400.000				24.700.000	02	49.400.000			
156.28 Bánh rằng Z59 M10	Cái	29.700.000	02	59.400.000				29.700.000	02	59.400.000			253.482.125
Tổng cộng				**803.918.846**			**558.151.518**			**1.108.588.239**			

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. ***Tài khoản sử dụng bao gồm***

- Kế toán sử dụng TK 641, 642
- Và các TK liên quan như: TK 111, 131,112....

b. Chứng từ chủ yếu sử dụng để hạch toán

- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

c. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ cái TK 642, TK 641
- Sổ cái các TK liên quan..

b. Sơ đồ luân chuyển chứng từ

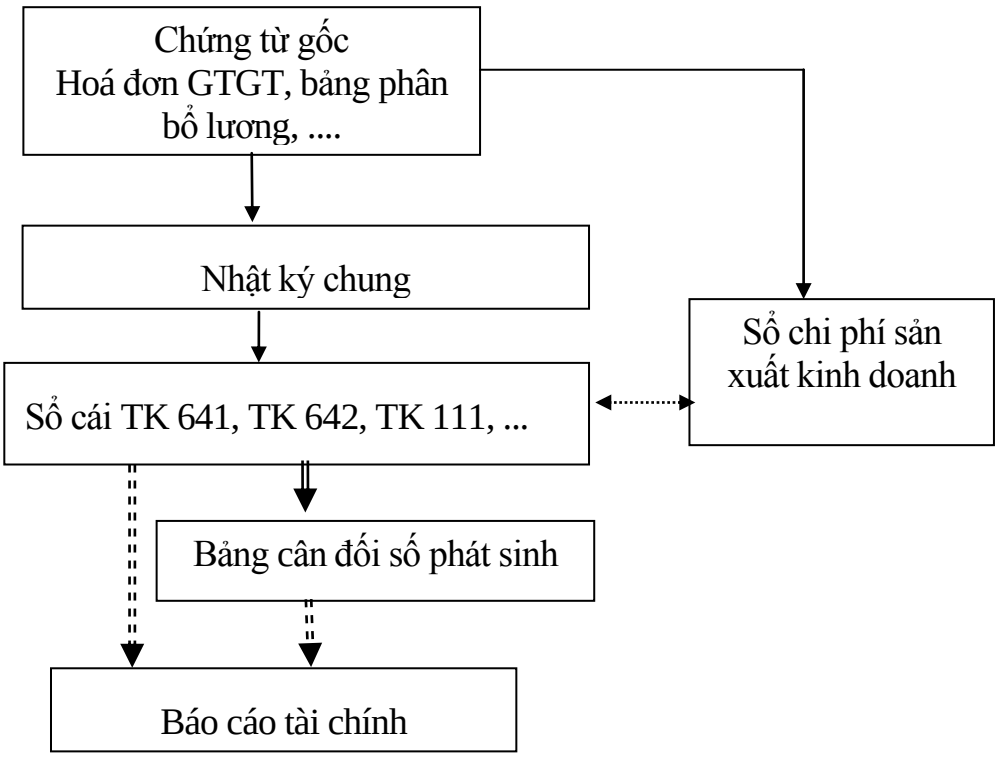

Chú thích:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

2.2.3.1 Hạch toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng tại Xí nghiệp là khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí điện nước điện thoại,…Kế toán chi phí bán hàng tiến hành như sau:

- Tính ra tiền lương và phụ cấp phải trả nhân viên bán hàng
- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phát sinh trong kỳ tính vào chi phí
- Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng
- Các chi phí khác bằng tiền phát sinh trong kỳ

a. Hạch toán chi phí bán hàng

Tiền lương của nhân viên bộ phận bán hàng được tính theo lương cơ bản theo tỉ lệ quy định của Bộ tài chính

Hàng tháng kế toán tiền lương tính lương cho bộ phận bán hàng và tiến hành trả lương căn cứ vào bảng thanh toán lương

Kế toán tiến hành phân bổ tiền lương và BHXH cho chi phí bán hàng trên bảng phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN

Đối với các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định kế toán phản ánh trên bảng tính và phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ

Các chi phí khác như chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Xí nghiệp hạch toán chi phí phát sinh dùng vào hoạt động bán hàng thì được hạch toán trực tiếp vào sổ chi phí bán hàng song song với việc vào Nhật ký chung. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 641

Ví dụ 3: Ngày 26/12/2010 Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ trả tiền điện phục vụ bộ phận bán hàng theo hoá đơn tiền điện GTGT số 2097897 với số tiền là 1.159.349 đồng (Chưa thuế GTGT 10%).

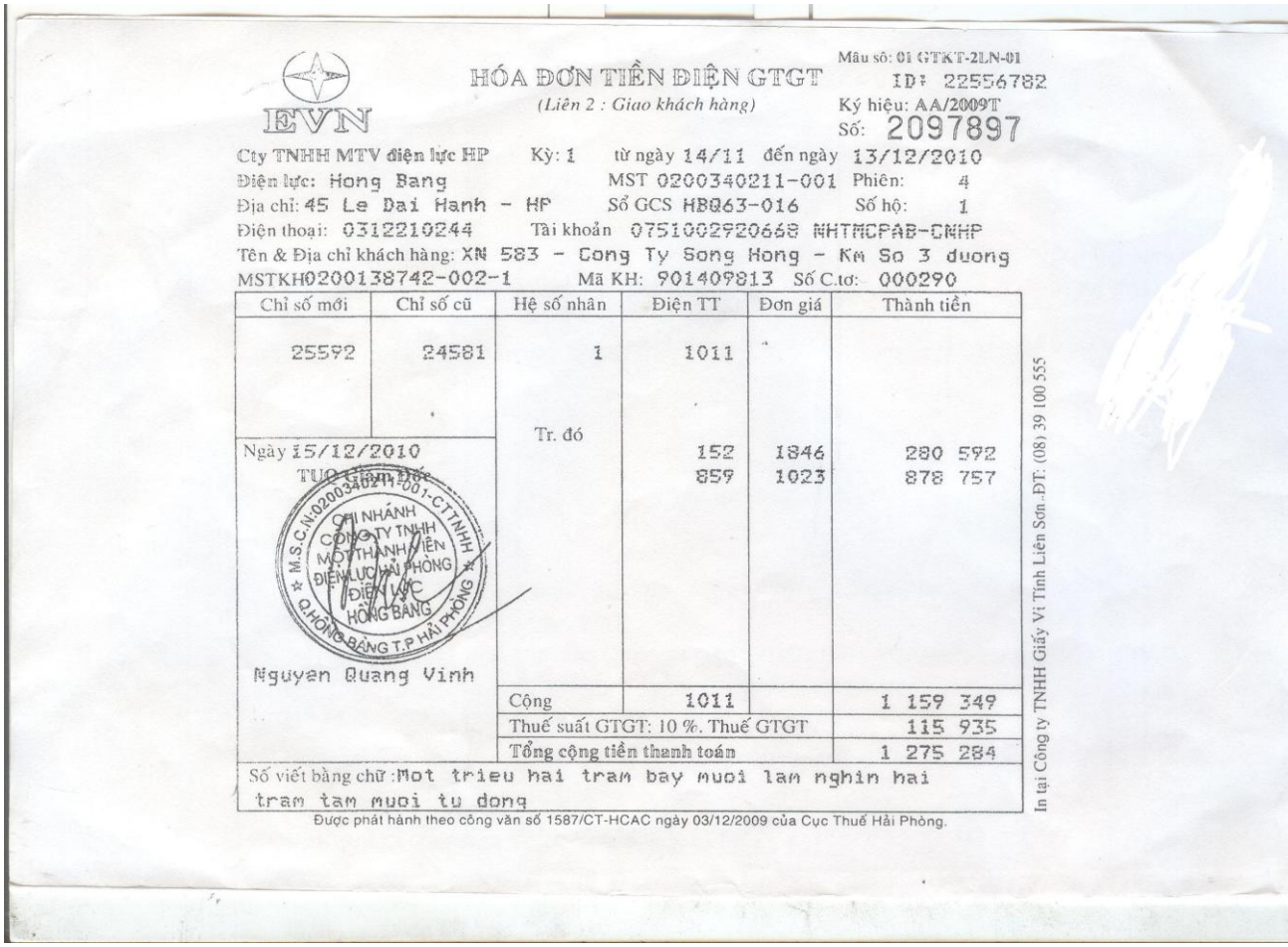

EVN

Mẫu số: 01 GTKT-2LN-01

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

ID: 22556782

(Liên 2 : Giao khách hàng)

Ký hiệu: AA/2009T

Số: 2097897

Cty TNHH MTV điện lực HP Kỳ: 1 từ ngày 14/11 đến ngày 13/12/2010

Điện lực: Hong Bang MST 0200340211-001 Phiên: 4

Địa chỉ: 45 Le Dai Hanh - HP Sổ GCS HBQ63-016 Số hộ: 1

Điện thoại: 0312210244 Tài khoản 0751002920668 NHTMCPAB-CNHP

Tên & Địa chỉ khách hàng: XN 583 - Cong Ty Song Hong - Km So 3 duong

MSTKH0200138742-002-1 Mã KH: 901409813 Số C.tơ: 000290

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
25592	24581	1	1011		
		Tr. đó			
			152	1846	280 592
			859	1023	878 757
		Cộng	1011		1 159 349
		Thuế suất GTGT: 10 %. Thuế GTGT			115 935
		Tổng cộng tiền thanh toán			1 275 284

Ngày 15/12/2010

Nguyen Quang Vinh

Số viết bằng chữ: Mot trieu hai tram bay muoi lam nghin hai tram tam muoi tu dong

Được phát hành theo công văn số 1587/CT-HCAC ngày 03/12/2009 của Cục Thuế Hải Phòng.

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn - ĐT: (08) 39 100 555

Dựa vào hoá đơn GTGT, kế toán viết Phiếu chi số 26/12 trả tiền điện T12 bộ phận bán hàng. Trên phiếu chi kế toán bán hàng tiến hành định khoản.

Kế toán định khoản: Nợ TK 641 : 1.159.349

Nợ TK 13312: 115.935

Có TK 1111: 1.275.284

Phiếu thu gồm 3 liên, 1 liên lưu tại cuống, một liên giao cho khách, một liên kế toán chuyển cho thủ quỹ vào sổ quỹ tiền mặt,

Đơn v ị: X í nghi ệp 583- C ông ty S ông H ồng **Mẫu số: 02- TT**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- H ải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

PHIẾU CHI Quyển số:

Ngày 26 tháng 12 năm 2010 **Số: 26/12**

Nợ TK 641 : 1.159.349

Nợ TK 11312: 115.935

Có TK : 1.275.284

Họ tên người nhận tiền: Tô Thị Mến

Địa chỉ:

Lý do chi: TT tiền điện sinh bộ phận bán hàng T12/2010

Số tiền: ***1.159.349 đồng*** (viết bằng chữ) ***Một triệu một trăm năm chín nghìn ba trăm bốn chín đồng***

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): ***Một triệu một trăm năm chín nghìn ba trăm bốn chín đồng***

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Phiếu chi cùng HĐ GTGT được chuyển cho kế toán kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp làm căn cứ ghi Nhật ký chung, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tháng 12 năm 2010

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03a- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số trang trước chuyển sang			
26/12	**PC 26/12**	**26/12**	**TT tiền điện bộ phận bán hàng tháng 12/10**	**641**	**1.159.349**	
				1331	**115.935**	
				1111		**1.275.284**
26/12	PC 27/12	26/12	Đỗ Viết Giang, thanh toán tiền sửa nội thất xe Ô tô	642	1.150.000	
				1331	115.000	
				111		1.265.000
26/12	PT 39/12	26/12	Thu tiền bán hàng trong ngày	1111	35.194.050	
				5111		31.994.590
				33311		3.199.460
...	...	...	....	...	....	...
			Cộng phát sinh		**20.062.394.210**	**20.062.394.210**

- Sổ này có 15 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 15
- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày ...tháng ..... năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 641 tháng 12 năm 2010

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ		-	
			- Số phát sinh trong kỳ			
26/12	**PC 26/12**	**26/12**	**- Tô Thị Mến, thanh toán tiền điện phục vụ bán hàng**	**1111**	**1.159.349**	
31/12	PC 37/12	31/12	- Thanh toán tiền cước chở Dầu ra mỏ Đồng rì	1111	3.502.000	
31/12	PBKH T12	31/12	- Phân bổ KH TSCĐ T12/ 2010 bộ phận bán hàng	2141	2.785.284	
31/12	HHOA2	31/12	- Xuất hao hụt hàng hóa tháng 12	138	155.500	
...	...	...	...	...	...	...
31/12		31/12	- Kết chuyển chi phí bán hàng	911		135.976.406
			Cộng số phát sinh		**135.976.406**	**135.976.406**
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán khoá sổ kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh

2.2.3.2 Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Trích KH TSCĐ ở bộ phận bán hàng
- Cước vận chuyển
- Chi phí tiền lương, tiền ăn ca
- Chi phí điện, nước, điện thoại.
- Chi phí xăng dầu, phí cân hàng, cẩu hàng...
- Hao hụt hàng hóa

a. Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp là các khoản tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý. Xí nghiệp tiến hành trả lương cho người lao động theo lương thời gian

Hình thức trả lương theo thời gian :là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào hệ số cấp bập kỹ thuật và đơn giá tiền lương theo thời gian

Xí nghiệp áp dụng mức lương tối thiểu là 730.000đ

Hệ số lương của mỗi cán bộ CNV Xí nghiệp do Công ty Sông Hồng quy định cho từng người, Xí nghiệp căn cứ vào đó để trả lương cho người lao động.Mặc dầu Xí nghiệp là một doanh nghiệp Nhà Nước thuộc Bộ Quốc Phòng song lại hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, nên hệ số lương tính theo hệ số lương tại đơn vị kinh tế , không tính theo hệ số lương của Quân nhân.Một phần là do doanh nghiệp không có đủ khả năng trả lương cho người lao động theo hệ số lương quy định cho quân nhân Quốc phòng

Lương trả cho CB CNV Xí nghiệp được lấy ra từ Quỹ tiền lương của Xí nghiệp : là toàn bộ số tiền lương mà đơn vị trả cho tất cả lao động thuộc doanh nghiệp quản lý. Thành phần quỹ lương gồm

- Lương thời gian
- Phụ cấp (chức vụ, cấp bậc, thâm niên...)
- Tiền thưởng
- Các khoản giảm trừ(BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, từ thiện, thuế TNCN...)

Về bản chất, quỹ lương được hình thành bằng cách trích lập tiền lương vào chi phí sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp

VD: Ông Đỗ Viết Thường là Thượng úy kiêm Giám đốc Xí nghiệp, hệ số lương của ông được hưởng với tư cách là quân nhân là 6,65 nhưng Xí nghiệp là đơn vị kinh tế trực thuộc bộ quốc phòng nên hệ số lương của ông được hưởng là 4,99.

Xí nghiệp trả lương trực tiếp cho người lao động bằng tiền mặt.

Phụ cấp chức vụ của mỗi cán bộ CNV được áp dụng theo mức sau:

- Giám đốc: 0, 35 mức lương cơ bản
- Phó Giám đốc: 0,3 mức lương cơ bản.
- Trưởng phòng: 0.2 mức lương cơ bản

Cách tính lương của cán bộ CNV Xí nghiệp là:

Thu nhập được hưởng = (hệ số lương được hưởng × lương cơ bản) × 30% phụ cấp quốc phòng + phụ cấp chức vụ.

Lương thực lĩnh = Thu nhập được hưởng – các khoản giảm trừ

Theo chế độ hiện hành, các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ được hình thành 1 phần do người lao động đóng góp và 1 phần do người sử dụng lao động đóng góp theo tỷ lệ sau:

Chỉ tiêu	Người lao động đóng góp (trừ vào thu nhập)	Người sử dụng lao động đóng góp (tính vào chi phí sản xuất)
1.BHXH: 22%	6%	16%
2.BHYT: 4.5%	1.5%	3%
3.KPCĐ: 2%	-	2%
4. BHTN: 2%	1%	1%
Tổng	**8.5%**	**22%**

Thâm niên công tác, áp dụng cho quân nhân quốc phòng.Thâm niên công tác được áp dụng theo điểm a khoản 8 điều 6 luật BHXH

Một đặc điểm khác của Xí nghiệp so với các đơn vị kinh tế khác là quân nhân quốc phòng không phải đóng BHYT, BHTN.

Các khoản trích theo lương cho người cán bộ CNV của Xí nghiệp(BHXH, BHYT, BHTN) được tính dựa vào hệ số lương của quân nhân quốc phòng, trong khi các đơn vị kinh tế khác tính trên hệ số lương mà người lao động được hưởng.

Cách tính BHXH, BHYT, BHTN người lao động phải đóng góp l à:

- BHXH= (hệ số lương quân nhân quốc phòng × Lương cơ bản + tiền phụ cấp chức vụ+ tiền thâm niên công tác) × 6%

- BHYT = (hệ số lương quân nhân quốc phòng × Lương cơ bản + tiền phụ cấp chức vụ+ tiền thâm niên công tác) × 1.5%

- BHTN = (hệ số lương quân nhân quốc phòng × Lương cơ bản + tiền phụ cấp chức vụ + tiền thâm niên công tác) × 1%

Ở Xí nghiệp người lao động còn phải đóng thêm đoàn phí công đoàn.

ĐPC Đ = (hệ số lương được hưởng × 730.000 + phụ cấp chức vụ) × 1%

BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN doanh nghiệp trích vào giá thành dựa trên thu nhập thực được hưởng của người lao động.

Ví dụ: Ông Đỗ Viết Thường là giám đốc Xí nghiệp có hệ số lương được hưởng là 4,99 nhưng ông đóng BHXH dựa trên hệ số lương của quân nhân quốc phòng là 6,65.

Cuối tháng kế toán căn cứ vào hệ số cấp bậc và các khoản phụ cấp lập bảng thanh toán lương cho cán bộ từng phòng Xí nghiệp

Ví dụ 4: Tháng 12/2010 kế toán tính được tổng quỹ lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp và tiến hành phân bổ chi phí tiền lương tháng 12 vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG VÀ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN

Tháng 12 năm 2010

Sè	Ghi có TK	TK 334- PHẢI TRẢ CÔNG NHÂN VIÊN				TK 338 - PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC					
TT	Đối t- ợng SD	L- ơng	Các khoản	Các khoản	Cộng có	Kinh phí CĐ	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	Tổng cộng
	(Ghi nợ TK)		phụ cấp	khác	TK 334	(3382)	(3383)	(3384)	(3385)	TK 338	
1	L- ơng và 19% BHXH, KPCĐ,BHYT	**53,860,240**	**15,921,620**	**0**	**69,781,860**	**1,434,984**	**9,440,068**	**997,326**	**332,442**	**12,204,820**	**81,986,680**
	- Văn phòng XN (TK 642)	23,383,240	6,733,520		30,116,760	859,014	4,832,308	155,271	51,757	5,898,350	36,015,110
	- Xăng dầu	6,547,600	2,009,280		8,556,880	95,776	766,208	143,664	47,888	1,053,536	9,610,416
	- Ban KD	6,256,100	1,876,830		8,132,930	112,128	897,024	168,192	56,064	1,233,408	9,366,338
	- BK -TH	17,673,300	5,301,990		22,975,290	353,466	2,827,728	530,199	176,733	3,888,126	26,863,416
	- Truy thu BHXH của 2đ/c Th- ờng, Cửu T10+11					14,600	116,800			131,400	131,400
2	Khấu trừ l- ơng 7% BHXH, BHYT, ĐPCĐ					**545,085**	**3,540,025**	**498,670**	**332,442**	**4,916,222**	**4,916,222**
	- Văn phòng XN (TK 334)					240,315	1,855,915	77,636	51,757	2,225,623	2,225,623
	- Xăng dầu					65,476	287,328	71,833	47,888	472,525	472,525
	- Ban kinh doanh					62,561	336,384	84,096	56,064	539,105	539,105
	- BK -TH					176,733	1,060,398	265,105	176,733	1,678,969	1,678,969
										0	0
	Cộng	**53,860,240**	**15,921,620**	**0**	**69,781,860**	**1,980,069**	**12,980,093**	**1,495,996**	**664,884**	**17,121,042**	**86,902,902**

NG□ỜI LẬP BẢNG | TR□ỞNG BAN KẾ TOÁN | GIÁM ĐỐC

Tô Thị Mến | Vũ Thị Quyên

Kế toán định khoản:

- Hạch toán BHXH

Nợ TK 642: 4.834.568

Có TK 3383: 4.834.568

- Hạch toán BHYT

Nợ TK 642: 155.271

Có TK 3384: 155.271

- Hạch toán BHTN:

Nợ TK 642: 51.757

Có TK 3385: 51.757

- Hạch toán KPCĐ:

Nợ TK 642: 870.636

Có TK 3382: 870.636

- Hạch toán lương thực tế phải trả cán bộ công nhân viên

Nợ TK 642 : 30.116.760

Có TK 334 : 30.116.760

b. Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp bị hao mòn dần, phần giá trị hao mòn đó được chuyển vào giá trị tài sản, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành dưới hình thức trích khấu hao tài sản cố định nhằm thu hồi vốn đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định để tái sản xuất tài sản cố định

Hiện nay Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng tiến hành tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} = \text{Nguyên giá} \times \text{Tỷ lệ KH}$$

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{Giá trị hao mòn luỹ kế}$$

Căn cứ vào thời gian tối thiểu và tối đa sử dụng TSCĐ, Xí nghiệp tiến hành lập sổ tài sản. Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ(được phản ánh trên sổ tài sản) để vào sổ chi tiết tài khoản 642

Ví dụ 5: Tháng 12/ 2010 kế toán căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ của tháng 12 năm 2010 ở bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hông

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 211 Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu	Tên tài sản cô định	Ngày sử dụng	Nguyên giá	Số năm	Khấu hao 1 tháng	Ghi có TK 214/ Ghi nợ các tài khoản			
						Tổng số	641	642	…
2112	**Nhà cửa vật kiên trúc**		**1.356.714.953**			**80334**		80.344	
	Văn phòng làm việc	04/1994	149.135.323	6	0				
	Nhà làm việc Xí nghiệp Hồng Hải cũ	01/1995	207.438.809	0	0				
	Trạm kiểm đinh xe	01/1998	438.054.042		0				
	Kho bãi vật tư	04/1998	81.359.000	8	847.490				
	Nhà cửa trạm xăng	04/1998	236.335.962	6	3.282.444				
	Văn phòng Xí nghiệp	07/2001	138.971.039	10	1.158.092				
	Nhà đặt máy cấu kiện thép	10/2001	95.779.455	6	1.330.270				
	Văn phòng Xí nghiệp	04/2002	9.641.323	10	80.334	80.334			
2113	**Máy móc thiết bị**		**117.309.091**			**1.221.970**	**1.221.970**		
	Máy mác trạm xăng	09/2010	117.309.091	8	1.221.970	1.221.970	1.221.970		
2114	**Phương tiện vận tải**		212.000.000			2.500.000		2.500.000	
	Xe ô tô 4 chỗ ngồi- Nissan	09/2007	32.000.000	2.0	1.333.333				
	Xe ô tô 4 chỗ ngồi VOVOL	02/2008	180.000.000	6.0	2.500.000	2.500.000		2.500.000	
2115	**Thiết bị, đồ dùng quản lý**		96.098.000			862.299	657.359	204.940	
	Vỏ téc xăng	04/1998	38.000.000	10.0	316.667	316.667	316.667		
	Bể thép 25m3(téc xăng dầu)	03/2010	40.883.000		340.692	340.692	340.692		
	Ổn áp Lioa 20,0KVA	07/2010	17.215.000	7.0	204.940	204.940		204.940	
Tổng cộng		**1.782.122.044**			**4.664.613**	**1.879.329**	**2.785.284**		

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 2.785.284

Có TK 2141: 2.785.284

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh này kế toán, kê toán ghi trực tiếp vào Nhật ký chung, sổ cái TK 214, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh...

c. Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài

Về các chi phí dịch vụ mua ngoài được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi phí văn phòng công cụ dụng cụ, chi phí đi công tác, chi tiếp khách, chi phí Xăng dầu, thuế môn bài, phí và lệ phí…

Tại Xí nghiệp có phát sinh các khoản giảm chi quản lý doanh nghiệp, đó là chi phí điện nước mà các đơn vị thuê văn phòng của Xí nghiệp đã trả hộ cho Xí nghiệp

Kế toán định khoản Nợ TK 111:

Có TK 642:

<u>Ví dụ 6</u>: Này 9/12 tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ thanh toán tiền nước tháng 12 năm 2010 tại Xí nghiệp số tiền 479.221 đồng đã bao gồm VAT 10%

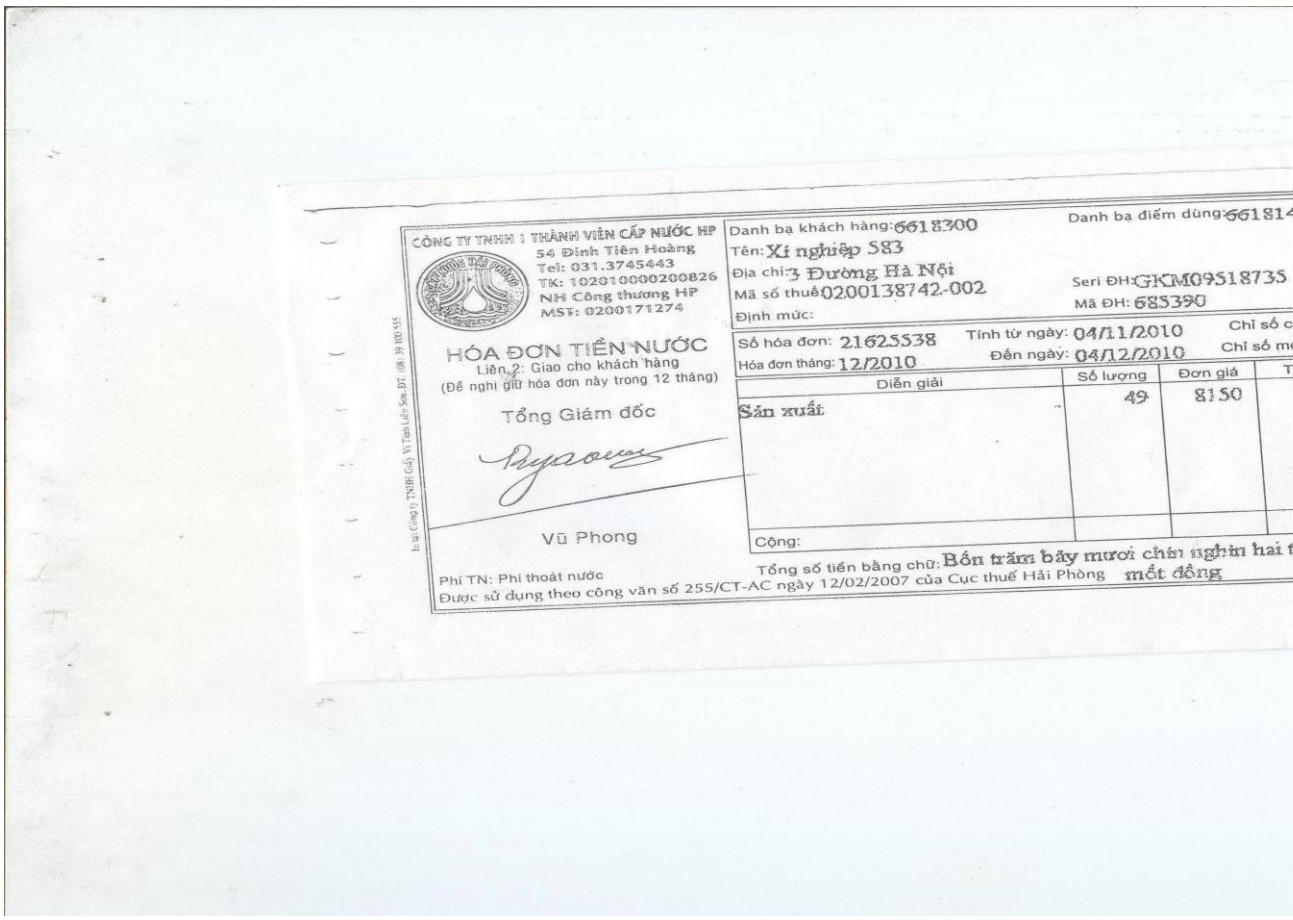

CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HP
54 Đinh Tiên Hoàng
Tel: 031.3745443
TK: 102010000200826
NH Công thương HP
MST: 0200171274

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC
Liên 2: Giao cho khách hàng
(Đề nghị giữ hóa đơn này trong 12 tháng)

Tổng Giám đốc

Vũ Phong

Danh bạ khách hàng: 6618300 — Danh bạ điểm dùng: 661814
Tên: Xí nghiệp 583
Địa chỉ: 3 Đường Hà Nội
Mã số thuế: 0200138742-002 — Seri ĐH: GKM09518735
Định mức: — Mã ĐH: 685390
Số hóa đơn: 21625538 — Tính từ ngày: 04/11/2010 — Chỉ số c
Hóa đơn tháng: 12/2010 — Đến ngày: 04/12/2010 — Chỉ số m

Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	T
Sản xuất	49	8150	
Cộng:			

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai
Phí TN: Phí thoát nước — một đồng
Được sử dụng theo công văn số 255/CT-AC ngày 12/02/2007 của Cục thuế Hải Phòng

Căn cứ vào HĐ GTGT tiền nước tháng 12 số 0941555 kế toán lập phiếu chi số 09/12.

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: 02- TT**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Quyển số:

Số: 09/12

Nợ 642 : 459.253

Nợ 13312 : 19.968

Có 111 : 479.221

Họ tên người nhận tiền: Tô Thị Mến

Địa chỉ:

Lý do chi: Trả tiền nước sinh hoạt T12/ 2010, Thuế GTGT được khấu trừ

Số tiền: **479.221** ***đồng*** (viết bằng chữ) ***Bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm hai mốt đồng***

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐ số 0941555.....

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): ***Bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm hai mốt đồng***

Từ phiếu chi, kế toán sẽ ghi vào Nhật ký cung, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh song song với việc ghi vào sổ quỹ tiền mặt

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S36- DN

(*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC*

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ	Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	22% BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	Chi phí văn phòng	Chi phí dự phòng	Chi phí tiền lương	Chi phí điện nước	Tiền ăn ca	Chi phí xăng dầu	Chi phí KH TSCĐ	Chi phí sửa chữa	Chi phí dịch vụ mua ngoài
	- Số dư đầu kỳ												
BTTL	**Tính 16% BHXH của VPXN T12/10**	**3383**	**4.834.568**	**4.834.568**									
BTTL	**Tính 3% BHYT của VPXN T12/10**	**3384**	**155.271**	**155.271**									
BTTL	**Tính 2% KPCĐ của VPXN T12/10**	**3382**	**856.036**	**856.036**									
BTTL	**Tính 1% BHTN của VPXN T12/10**	**3385**	**51.757**	**51.757**									
PC 14/12	TT tiền mua VPP và gửi thư	1111	580.900		580.900								
PC 31/12	TT tiền sửa máy in và thay trống, đổ mực in	1111	690.000		690.000								
PC 09/12	**TT tiền nước sinh hoạt T12/2010**	**1111**	**459.253**					**459.253**					
PBKH	**PBKH TSCĐ T12/ 10**	**2141**	**2.785.284**								**2.785.284**		
BTTL	**Tính lương phải trả CBCNV tháng 12/10**	**334**	**30.116.760**				**30.116.760**						
PC 40/12	**Cấp tiền ăn ca cho CB CNV T12/10**	**1111**	**3.170.000**						**3.170.000**				
KHAC2	Trích dự phòng phải thu khó đòi	139	120.000.000			120.000.000							
TGNH	NH Công thương thu phí tất toán TK	11215	100.000										
	Cộng số phát sinh		**262.811.171**	**6.029.032**	**3.030.900**	**120.000.000**	**103.146.069**	**4.188.613**	**3.170.00**	**4.545.733**	**2.785.284**	**11.000.000**	**475.540**

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng
Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S03a- DN
(*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số trang trước chuyển sang			
09/12	**PC 09/12**	**09/12**	**TT tiền nước VPXN tháng 12/10**	**642**	**459.253**	
				1331	**19.968**	
				1111		**479.221**
09/12	PTP 227	09/12	Ngân hàng Á châu, thu phí chuyển tiền	642	58.176	
				1331	5.818	
				11219		63.994
09/12	PT 10/12	09/12	Thu tiền bán hàng trong ngày	1111	20.163.000	
				5111		18.330.000
				33311		1.833.000
...	...	...	....	...	....	...
31/12	**BPBKH**	**31/12**	**Tinh KH TSCĐ bộ phận quản lý doanh nghiệp**	**642**	**2.785.284**	
				2141		**2.785.284**
31/12	**PC 49/12**	**31/12**	**Trả lương cho CB CNVT12/2010**	**642**	**30.116.760**	
				334		**30.116.760**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh		**20.062.394.210**	**20.062.394.210**

- Sổ này có 15 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 15
- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày ...tháng ..... năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Từ nhật ký chung, cuối tháng kế toán tổng hợp ghi vào sổ cái TK 642. Dưới đây là sổ cái tháng 12 năm 2010 của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Đơn v ị: Xí nghi ệp 583- Công ty Sông Hồng
Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tài khoản đối ứng	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
642	1111	Tiền mặt tại quỹ Xí nghiệp	15.979.513	1.103.225
642	11213	NH Ngoại thương Hải Phòng, thu phí	10.000	
642	11214	NH đầu tư HP, thu phí duy	141.505	
642	11215	NH Công thương, thu phí	110.000	
642	11219	NH Á Châu, thu phí chuyển tiền	194.540	
642	11221	NH Công thương, thu phí duy trì TK	19.495	
642	131	Thanh toán tiền xăng xe T12/2010	1.801.830	
642	139	Dự phòng phải thu khó đòi	120.000.000	
642	141	Thanh toàn hoàn ứng tiền công tác	2.743.903	
642	2141	Phân bôt KH TSCĐ T12	2.785.248	
642	334	Phải trả CB CVN	103.146.069	
642	3382	Kinh phí công đoàn	870.636	
642	3383	Bảo hiểm xã hội	4.951.368	
642	3384	Bảo hiểm y tế	15.271	
642	3385	Bảo hiểm thất nghiệp	51.757	
642	911	Xác định kết quả kinh doanh		261.707.946
		Cộng số phát sinh	**262.811.171**	**262.811.171**
		Số dư cuối kỳ		

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

2.2.4 Nội dung, trình tự xác định kết quả hoạt động tài chính tại Xí nghiệp 583-Công ty Sông Hồng

Tại Xí nghiệp, kết quả tài chính được xác định dựa theo công thức sau:

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Trên cơ sở khai thác sử dụng nguồn tiền nhãn dỗi nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Xí nghiệp đã có những hoạt động đầu tư tài chính như thu lãi tiền gửi ngân hàng, thu lãi từ tiến bán hàng chậm trả cho khách hàng, thu lãi từ hoạt động cho vay vốn kinh doanh.

a. Chứng từ sử dụng

Phiếu trả lãi tài khoản

Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh

Bảng tính lãi bán hàng trả chậm

Phiếu thu, giấy báo có...

b. Sổ sách kế toán sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 515

Sổ cái các TK111, 112..

c. Sơ đồ luân chuyển chứng từ

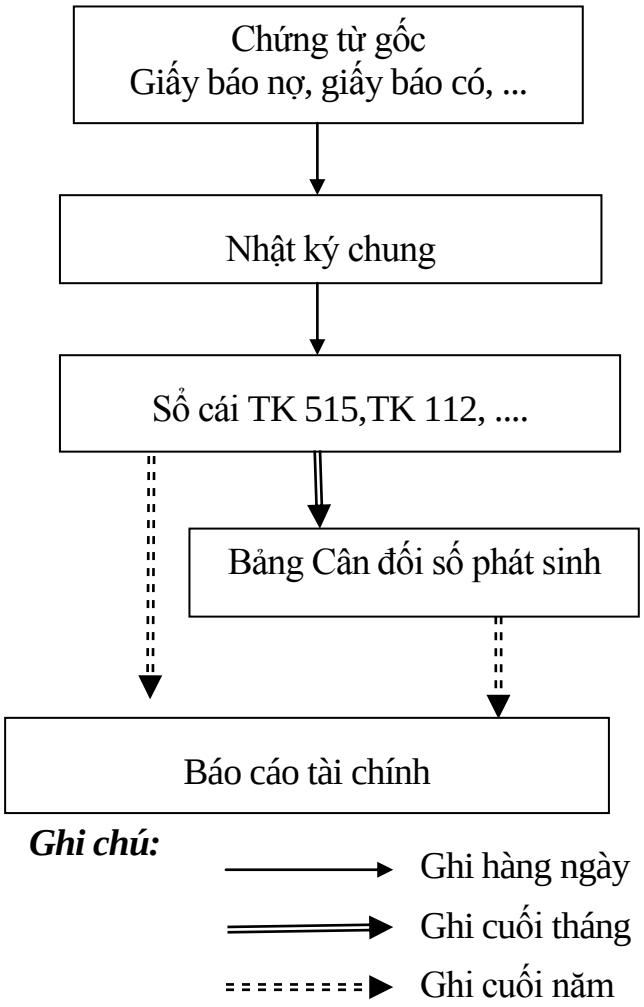

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Ví dụ 7: Ngày 27/12/2010 tại Xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ thu lãi tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội cho TK 2511100018006, số tiền lãi là 1.341 đồng.

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN

Từ ngày: **26/11/2010** ***Đến ngày:*** **25/12/2010**

Khách hàng: **85017 XI NGHIEP 583**

Tài khoản: **2511100018006** ***Nguyên tệ:*** **VND**

Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2010	30	670,571.00	2.40	1,341.00

Tổng tiền: **1,341.00**

Bằng chữ: ***Một nghìn ba trăm bốn mươi mốt VND chẵn***

Tài khoản trích nợ: PL 50000

Tài khoản ghi có: 2511100018006

Ngày lập phiếu: **27/12/2010**

Người lập phiếu Kiểm soát Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
PHÒNG KẾ TOÁN & DVKH

Căn cứ vào phiếu trả lãi tài khoản, kế toán doanh thu tổng hợp vào sổ Nhật ký chung song song với việc ghi Sổ chi tiết tài khoản 11212- NH TMCP Quân Đội tháng 12 năm 2010 và sổ chi tiết TK 515

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03a- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số trang trước chuyển sang		**....**	**...**
27/12	PT 34/12	27/12	Tô thị Mến, Rút tiền gửi NH nhập quỹ Xí nghiệp	1111	300.000.000	
				11214		300.000.000
27/12	PC 27/12	27/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng đầu tư Hải Phòng	11214	100.000.000	
				1111.1		100.000.000
27/12	PC 28/12	27/12	TT tiền chi tiếp khách	6428	4.440.000	
27/12	**PTL TK2**	**27/12**	**NH TM Quân Đội, trả lãi tiền gửi T12/10**	**515**	**1.341**	
				11212		**1.341**
.....	....	....	.....	... .	.....	.....
			Cộng phát sinh		**20.062.394.210**	**20.062.394.210**

- Sổ này có 15 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 15
- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày ...tháng ..... năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S08- DN

(*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC*

.Ngày 20/03/006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ tiền gửi ngân hàng

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Quân Đội Hải Phòng

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	NT			Thu	Chi	Còn lại
			- Số dư đầu kỳ				**773.076**
			- Số phát sinh trong kỳ				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
23/12	UNC0064	23/12	Trả tiền vay vốn KD cho Đ/c Khánh	3111		150.000.000	28.269.291
25/12	PT22/12	25/12	NH báo có, Cty Paurt trả tiền mua dây cáp nhôm	131	159.900.000		185.094.291
26/12	PC26/12	26/12	Trả tiền mua phụ tùng theo HĐ02	331		127.988.943	57.105.348
26/12	PC29/12	26/12	NH TMCP Quân Đội, thu phí chuyển tiền	642		58.176	57.047.172
27/12	PC29/12	27/12	NH TMCP Quân Đội, Thuế GTGT được khấu trừ	13312		5.818	57.041.354
27/12	**PTLTK**	**27/12**	**NH TMCP Quân Đội, Trả lãi tiền gửi T12**	**515**	**1.341**		**57.042.695**
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		**7.428.936.334**	**7.388.036.020**	
			- Số dư cuối kỳ				**57.042.695**

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 5

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ)

Cuối tháng kế toán tiến hành tổng hợp số liệu ghi vào sổ cái TK 515 tháng 12 năm 2010

Đơn v ị: Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (*Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tài khoản đối ứng	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
515	11212	Lãi tiền gửi NH TMCP Quân Đội		1.431
515	11213	Lãi tiền việt gửi NH Ngoại thương Hải Phòng		24.042
515	11214	Lãi tiền việt gửi NH ĐT&PT Hải Phòng		522.061
515	11215	Lãi tiền việt gửi NH Công Thương Hải Phòng		16.317
515	11219	Lãi tiền việt gửi NH Á Châu		246.597
515	131	Thu lãi từ bán hàng trả trậm		13.057.687
515	228	Đầu tư dài hạn khác		10.333.000
515	911	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	24.201.045	
		Cộng số phát sinh	**24.201.045**	**24.201.045**
		Số dư cuối kỳ		

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 12
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu (Đã ký) Kế toán trưởng (Đã ký)

(Trích nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

Cuối tháng 12 kế toán doanh thu tiến hành bút toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh

2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng hàng tháng không phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan đến chi phí hoạt động tài chính. Ở đây chi phí hoạt động tài chính chỉ có trả lãi vay vốn kinh doanh

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng, hợp đồng vay vốn của các đoàn thể cá nhân và các chứng từ khác có liên quan , kế toán vào nhật ký chung,sau đó vào sổ chi tiết TK 635 sau đó cuối tháng tổng hợp lên sổ cái TK 635

Đơn v ị: Xí nghi ệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Tài khoản	Tài khoản đối ứng	Diễn giải	Số tiền	
			Nợ	Có
635	3388	Phải trả lãi vay vốn kinh doanh	22.202.334	
635	911	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh		22.202.334
		Cộng số phát sinh	**22.202.334**	**22.202.334**
		Số dư cuối kỳ		

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 5
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

(Trích một trang sổ- nguồn ban kế toán Xí nghiệp)

2.2.5 Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hông

Trong tháng 12 năm 2010, tại Xí nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác. Vì vậy kế toán không hạch toán xác định kết quả hoạt động khác

2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh.Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả của hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp chính là kết quả của hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

a. Hạch toán ban đầu

Số liệu kế toán kết quả kinh doanh là số liệu kế thừa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó

Vì kế toán xác định kết quả kinh doanh mang tính chất kế thừa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên để đảm bảo có thông tin chính xác, kế toán tại Xí nghiệp thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí như hóa đơn thu phí, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ....để chắn chắn số liệu trên các sổ kế toán là đúng, đảm báo cho việc xác định kết quả kinh doanh là chính xác.

b. Tài khoản sử dụng và chứng từ sổ sách liên quan

Để xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp, kế toán sử dụng các tài khoản

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 632 – Giá vốn hàng bán

.....

c. Chứng từ sổ sách sử dụng

Sổ Nhật ký chung

Các sổ cái liên quan: 511,515, 632 ,641...

d. Phương pháp tính toán và kết chuyển

Phương pháp tinh toán

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Chi phí(Giá vốn, Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp....)	+	Kết quả hoạt động tài chính	+	Kết quả hoạt động khác

2.3.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Xí nghiệp 583 là đơn vị trực thuộc Công ty Sông Hồng, tại Xí nghiệp có thực hiện hạch toán thuế TNDN song Xí nghiệp không nộp thuế TNDN cho cơ quan thuế mà hạch toán thuế TNDN phải nộp về công ty mẹ- Công ty sông Hồng. Tại công ty mẹ sẽ tiến hành tập hợp thuế TNDN của Xí nghiệp cùng các đơn vị thành viên khác của Công ty để tiến hành nộp thuế TNDN cho cục thuế.

Kết chuyển: Ngày 31 tháng 12, kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của Xí nghiệp thực hiện các bút toán kết chuyển như sau

Kết chuyển chi phí tháng 12 năm 2010

Nợ TK 911 : 2.573.509.593

Có TK 632: 2.153.622.907

Có TK 635: 22.202.334

Có TK 641: 135.976.406

Có TK 642: 261.707.946

Kết chuyển doanh thu tháng 12 năm 2010

Nợ TK 5111 : 2.194.531.354

Nợ TK 5112: 61.590.909

Nợ TK 515 : 24.201.045

Có TK 911: 2.280.323.308

Kết thuế TNDN tháng 12 năm 2010

Nợ 8211: 66.990.475

Có TK 3334: 66.990.475

Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12 năm 2010

Nợ TK 911: 66.990.475

Có TK 821: 66.990.475

Kết chuyển lỗ tháng 12

Nợ TK 4212: 360.176.760

Có TK 911: 360.176.760

Kết chuyển thuế GTGT tháng 12

Nợ TK 33311 : 194.104.524

Có TK 1331: 194.104.524

Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển để ghi sổ cái TK 911, TK 421, TK 821, TK 133, TK 333

Đơn v ị: Xí nghi ệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

NT GS`	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp T12/2010	3334	-	66.990.475
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12/ 2010	911	66.990.475	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		**66.990.475**	**66.990.475**
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có 5 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 5
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

Đơn v ị: Xí nghi ệp 583- Công ty Sông Hồng **Mẫu số: S03b- DN**

Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển thuế giá vốn hàng bán	632	2.153.622.907	
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	22.202.334	
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	135.976.406	...
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	261.707.946	
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	66.990.475	
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111		2.194.531.354
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5112		61.590.909
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		24.201.045
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển lỗ	421		360.176.760
			Cộng số phát sinh		**2.640.500.068**	**2.640.500.068**
			Số dư cuối kỳ		-	

Đơn v ị: Xí nghi ệp 583- Công ty Sông Hồng
Địa chỉ: Km số 3- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Lãi năm nay

Số hiệu: 4212

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển hoạt động kinh doanh T12/10	911	360.176.760	
31/12		31/12	Tính tiền chỉ tiêu phải nộp văn phòng bộ tư lệnh Quân khu 3 năm 2010	338	200.000.000	
31/12	KCCK	31/12	Kết chuyển LNST sang quỹ khen thưởng phúc lợi	353	971.426	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		**560.176.760**	**560.176.760**
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có .. trang, đánh số từ trang 1 đến trang ...
- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên, đóng dấu)

Kết thúc năm tài chính 2010, kế toán lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng công việc xác định kết quả kinh doanh được tổng kết vào cuối năm và do kế toán trưởng chịu trách nghiệm. Căn cứ vào chứng từ sổ sách do kế toán tổng hợp và các hoạt động khác, kế toán trưởng phân tích các chỉ tiêu lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng
Km số 3- Phường Sở Dầu- Quận Hông Bàng- Hải Phòng

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.327.038.224	7.272.172.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		18.327.038.224	7.272.172.319
4. Giá vốn hàng bán	11		16.213.856.110	6.075.737.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		2.113.182.114	1.196.434.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		151.306.990	65.009.951
7. Chi phí tài chính	22		175.249.867	65.009.951
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		175.249.867	150.518.195
8.Chi phí bán hàng	24		516.951.803	407.860.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.345.803.121	551.747.646
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 +(21 - 22) -(24+25)	30		218.904.313	151.318.211
11. Thu nhập khác	31		112.727.272	-
12. Chi phí khác	32		7.580.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		105.147.272	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		331.631.585	151.318.211
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		82.907.896	26.517.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		248.723.689	84.800.570
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Nguồn số liệu ban Kế toán)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 583- CÔNG TY SÔNG HỒNG

3.1 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

3.1.1 Các kết quả đạt được

3.1.1.1 Về sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp

Là một doanh nghiệp Nhà nước, tuy nhiên Xí nghiệp không hề có quan điểm trị trệ, bao cấp ỷ lại như mọi người vẫn nghĩ về những doanh nghiệp Nhà Nước. Ban lãnh đạo Xí nghiệp đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng mặt hàng kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng cũng như chất lượng hàng hóa, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay Xí nghiệp đã nỗ lực rất nhiều, nỗ lực trên tất cả mọi mặt: xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao. Nhờ đó mà doanh thu hàng năm của Xí nghiệp không ngừng nâng cao

Doanh thu của Xí nghiệp tăng dần trong những năm gần đây:

Năm 2009: 7.272.172.309 đồng

Năm 2010 : 18.327.038.224 đồng

3.1.1.2 Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Xí nghiệp

Với một bộ máy được tổ chức gọn nhẹ gồm 3 phòng lãnh đạo và 4 phòng ban chức năng đã phối hợp với nhau một cách hợp lý giúp tham mưu, hộ trợ và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp, chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị. Việc phân công công việc một cách hợp lý giúp giảm nhẹ công việc cho Giám đốc, chuyên môn hóa chức năng quản lý của từng bộ phận

3.1.1.3 Về tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp

Xí nghiệp đã tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu kinh doanh, ban kế toán tại Xí nghiệp được bố trí hợp lý, phân công công việc rõ ràng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng nhân viên, phát huy thế mạnh của từng người. Điều đó đã nâng cao hiệu quả công việc. Cô kế toán trưởng là người có trình độ và kinh nghiệm

lâu năm, là con người năng động có khả năng quản lý tốt ban kế toán góp phần tham mưu cho giám đốc Xí nghiệp các nghiệp vụ về kinh tế.

3.1.2 Về hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng

3.1.2.1 Về hạch toán kế toán nói chung

❖ **Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán** đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục

❖ **Về hệ thống tài khoản sử dụng**, kế toán tại Xí nghiệp đã lựa chọn và xây dựng hệ thống tài khoản cấp 1 theo quy định chung của Bộ tài chính. Bên cạnh đó còn sử dụng một số tài khoản cấp 2, 3 để đáp ứng nhu cầu theo dõi chi tiết. Nhìn chung việc sử dụng hệ thống tài khoản này là khá hợp lý đảm bảo việc thu thập thông tin bên trong và bên ngoài Xí nghiệp, thông tin về tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn của toàn đơn vị.

❖ **Về hệ thống sổ kế toán Xí nghiệp sử dụng** tương đối phù hợp với tiêu thức kế toán Xí nghiệp áp dụng, hình thức kế toán nhật ký chung. Kết cấu sổ được thiết lập trên mẫu quy định, không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin chính xác kịp thời. Trên mỗi sổ trình tự nội dung ghi sổ được kế toán thực hiện đúng theo quy định. Hệ thống sổ sách trong Xí nghiệp được ghi chép, sử dụng nhằm cung cấp các Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế, cho công ty mẹ và các báo cáo chi tiết cho ban lãnh đạo của công ty.

Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.2.2 Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển, Xí nghiệp đã hoàn thành dần công tác hạch toán của mình. Tuy là một đơn vị kinh doanh nhỏ, song Xí nghiệp nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán và áp dụng vào Xí nghiệp một cách phù hợp, đặc biệt là hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị

Xí nghiệp chỉ có hoạt động kinh doanh thương mại đơn thuần, các tài khoản và chứng từ sử dụng được cập nhật và phản ánh chính xác theo quy định của bộ tài chính

Chứng từ gốc tại Xí nghiệp được giám đốc và kế toán trưởng phê duyệt song chuyển cho kế toán viên cập nhật, sau đó kế toán trưởng kiểm tra lại việc hạch toán của kế toán viên một các kỹ lưỡng nhằm kịp thời phát hiện ra các sai sót. Chứng từ gốc tại Xí nghiệp được bảo quản hợp lý, không xảy ra hiện tượng mất chứng gốc

Xí nghiệp tiến hành lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi phòng trường hợp khách hàng không có khả năng thanh toán, khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản thì Xí nghiệp vẫn có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Xí nghiệp là:

Nợ TK 642: 120.000.000

Có TK 139: 120.000.000

3.1.3 Những nhược điểm về tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau

3.1.3.1 Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán

Xí nghiệp đã đầu tư máy móc vào công việc kế toán. Song chỉ đơn thuần là việc ghi chép vào máy tính, sử dụng Excel trong tính toán nhưng Xí nghiệp chưa thực sự máy tính hóa - chưa áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại đơn vị

3.1.3.2 Một số tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp

- **Việc sử dụng sai tài khoản:** Trong quá trình thực tập tại Xí nghiệp, em thấy tại Xí nghiệp còn sử dụng sai một số tài khoản cấp , không theo quy định của Bộ tài chính. Điển hình như:

Tài khoản Xí nghiệp sử dụng	Sửa lại đúng theo quy định BTC
TK 2112: Nhà cửa vật kiến trúc	TK 2111: Nhà cửa vật kiến trúc
TK 2113: Máy móc thiết bị	TK 2112: Máy móc thiết bị
TK 2114: Phương tiện vận tải	TK 2113: Phương tiện vân tải
TK 2115: Thiết bị, đồ dùng quản lý	TK 2114: Thiết bị đồ dùng quản lý
TK 3385: Bảo hiểm thất nghiệp	TK 3389: Bảo hiểm thất nghiệp

❖ **Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá** : Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những hàng hóa có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của Xí nghiệp, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **Về phương thức tiêu thụ hàng hoá**: Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Xí nghiệp không sử dụng những phương pháp bán hàng: gửi đại lý, ... điều này đã làm giảm đáng kế số lượng khách hàng đến với Xí nghiệp

❖ **Về việc thu hồi nợ**: Xí nghiệp không đề ra hạn mức công nợ cho các đối tượng khách hàng, điều này dẫn đến việc có những khách hàng công nợ 600.000.000 đồng, thời gian nợ kéo dài 2 đến 3 tháng, thậm chí cả năm làm ảnh hưởng việc luân chuyển vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh(Ví dụ như Cty TNHH Vinh Hiệp, công nợ tính đến ngày 31/12/2010 là 550.991.754 đồng, …)

❖ **Về bộ máy kế toán**

Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp đảm nhiêm một khối lượng công việc quá lớn, gây gánh nặng cho nhân viên, làm giảm hiệu quả trong việc hạch toán kế toán. Gây chậm trễ trong việc lập báo cáo cho ban giám đốc Xí nghiệp cũng như cho Công ty mẹ

❖ **Về phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Hiện nay Xí nghiệp đang áp dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá vốn hàng xuất kho. Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, phương pháp này hạn chế tính kịp thời của các thông tin giá vốn, không cung cấp được những thông tin cần thiết về trị giá vốn hàng xuất cho mỗi lần biến động hàng hóa vì thời điểm xác định trị giá vốn hàng xuất kho được tính vào cuối tháng.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Qua quá trình thực tập tại Xí nghiệp, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của đơn vị sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Xí nghiệp như sau:

Ý kiến 1: Đối với việc áp dụng máy tính trong công tác kế toán

Trong điều kiện hiện nay, khoa học kỹ thuật rất phát triển tin học được áp dụng một cách rộng rãi. Xí nghiệp đã áp dụng tin học vào công tác kế toán nhưng chưa triệt để và rộng rãi, nhất là về việc áp dụng phần mềm kế toán vào việc hạch toán kế toán. Đề nghị Xí nghiệp cấp kinh phí cho phòng kế toán mua phần mềm kế toán để sử dụng trong công tác hạch toán, điều đó sẽ tiết kiệm được lao động, báo cáo số liệu nhanh chóng, chính xác, báo cáo kế toán được trình bày một cách khoa học ...

Theo em, Xí nghiệp có thể lựa chọn Phần mềm kế toán AFSYS 2011 .Bởi vì:

- Phần mềm này áp dụng đối với doanh ghiệp vừa và nhỏ

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, gọn nhẹ. Cập nhật chế độ kế toán mới theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 áp dụng cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cập nhật chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006. Phần mềm còn cho phép nhập khẩu bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra vào chương trình Hỗ trợ kê khai của Tổng cục Thuế phiên bản 2.5.x.

- Chi phí mua bản quyền phần mềm không cao: 6.000.000 đồng

- Phầm mềm đòi hỏi cấu hình máy tính không cao, phù hợp với hệ thống máy tính hiện có tại ban kế toán Xí nghiệp(Pentium 4, Ram 512...)

- Bên cạnh đó, Xí nghiệp được Cty dạy miễn phí cho nhân viên phòng kế toán tham gia lớp học kế toán máy để dử dụng và áp dụng phần mềm vào đơn vị một cách thuần thục.

Ý kiến 2: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Xí nghiệp nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Xí nghiệp có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với Xí nghiệp , Xí nghiệp có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với Xí nghiệp nhưng mua hàng với khối lượng lớn, Xí nghiệp có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Xí nghiệp nên thực hiện chiết khấu cho khách hàng trực tiếp trên hóa đơn

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 511:

Có TK 3331:

Với biện pháp khuyến mãi này Xí nghiệp có thể tăng được quá trình luân chuyển vốn và hàng tồn kho tại Xí nghiệp, giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai, khuyến khích khách hàng mua nhiều hàng hóa, giải phóng được lượng hàng tồn kho, thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường của Xí nghiệp.

<u>Ý kiến 3</u>: Cần phân công công việc và bổ sung nhân sự cho phòng kế toán.

Nghành nghề kinh doanh chính của Xí nghiệp hiện tại là kinh doanh xăng dầu, song Xí nghiệp không có một kế toán chuyên theo dõi về xăng dầu, tất cả do kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp đảm nhiệm. Theo em để nâng cao hiệu quả trong việc hạch toán kế toán Xí nghiệp nên tuyển thêm kế toán xăng dầu. Nhiệm vụ của kế toán xăng dầu dõi việc nhập xuất tồn xăng dầu, đôn đốc nhân viên bán hàng, theo dõi công nợ của khách hàng mua xăng dầu và chịu trách nhiệm trong việc đôn dốc khách hàng trả nợ , tiến hành tìm kiếm khách hàng mới cho Xí nghiệp. Góp phần làm giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán tổng hợp, giúp chuyên môn hóa trong công việc.

Hơn nữa cũng nên giảm bớt gánh nặng cho kế toán tổng hợp bằng việc phân công thêm cho thủ quỹ việc nộp tiền vào tài khoản Ngân Hàng.

Làm tốt việc trên, các thông tin cần thiết cung cấp cho ban giám đốc Xí nghiệp sẽ đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Như vậy sẽ đảm cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

<u>Sơ đồ bộ máy kế toán là:</u>

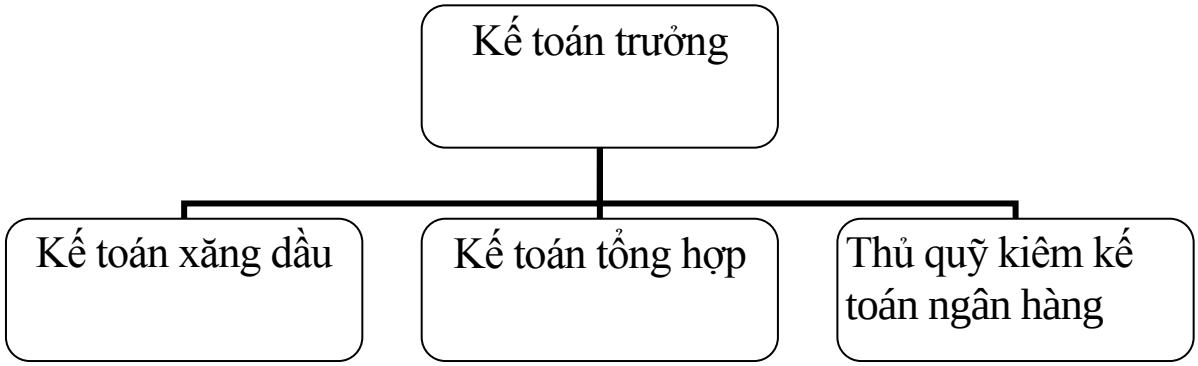

<u>Ý kiến 4:</u> Sử dụng đúng tài khoản theo quy đinh của Bộ Tài Chính

Như đã trình bày ở trên, Xí nghiệp nên sửa lại một số tài khoản cấp 3 theo đúng quy định bộ tài chính, làm cho báo cáo của Xí nghiệp được hoàn thiện hơn, tránh việc hiểu nhầm không đáng có trong báo cáo tài chính.

<u>Ý kiến 5:</u> Về việc thu hồi nợ

Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng là một Xí nghiệp nhỏ, doanh thu năm 2010 tại Xí nghiệp 18.327.038.224 đồng trong khi đó công nợ tại Xí nghiệp tính đến ngày 31/12/2010 là 2.718.507.620 đồng. Xí nghiệp đã để công nợ khách hàng quá lớn, việc công nợ nhiều sẽ làm cho lượng vốn của Xí nghiệp bị ứ đọng, làm giảm quá trình luân

chuyển vốn, ảnh hưởng kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp(không có vốn, Xí nghiệp không lấy được nhiều hàng để tích trữ, lúc giá giảm...) theo em để thu hồi công nợ, Xí nghiệp nên:

- Xí nghiệp nên tiến hành thu hồi công nợ trên mỗi hóa đơn bán hàng cho khách, không nên để công nợ cộng dồn cả tháng, cuối tháng tiến hành tổng hợp công nợ của khách. Điều này làm cho công nợ của khách hàng nhiều, gây khó khăn trong việc sử dụng và luân chuyển vốn tại Xí nghiệp.

- Ngoài việc Xí nghiệp phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng

- Đối với những khách hàng quá hạn trả nợ so với thời gian hợp đồng đã ký kết giữa Xí nghiệp và khách hàng, doanh nghiệp tính lãi suất trên số tiền mà khách hàng trậm trả cho đơn vị: lãi suất 3%/ tháng thay vì 2% tháng như hiện nay

- Đối với những khách hàng mà công nợ nhiều, công nự kéo dài 2, 3 tháng thậm chí cả năm(Công ty TNHH TM Thái Anh công nợ tính đến ngày 31/12/2010 là 216.746.00 đồng, kéo dài từ năm 2009; Công ty TNHH Vinh Hiệp công nợ tính đến ngày 31/12/2010 là 550.991.754 đồng thời gian nợ kéo dài từ năm 2009...). Xí nghiệp nên tạm ngừng cung cấp hàng cho khách hàng đến khi khách hàng thanh toán hết nợ. Nếu khách hàng vẫn cố tình không trả nợ cho đơn vị, Xí nghiệp nên báo cho cơ quan chủ quản là Bộ Tư lệnh quân khu 3 để có biện pháp thích hợp thu hồi vốn

- Bên cạnh đó Xí nghiệp cũng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đối với những khách thanh toán sớm, khuyến khích khách hàng thanh toán nợ cho Xí nghiệp trước hạn thanh toán.Có thể:

+ Đối khách hàng công nợ từ 20.000.000 đồng- 50.000.000 đồng/ tháng thanh toán sớm từ 3-5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 0.5 %

+ Đối khách hàng công nợ từ 50.000.000 – 100.000.000/ tháng đồng thanh toán sớm từ 3-5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thánh toán 1%

+ Đối khách hàng công nợ 100.000.000- 200.000.000 đồng/ tháng thanh toán sớm 3- 5 ngày sẽ được Xí nghiệp cho hưởng chiết khấu 2%

+ Đối khách hàng công nợ trên 200.000.000 đồng/ tháng nếu thanh toán sớm 3- 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 3%

Nếu hàng làm tốt điều này sẽ góp phần giúp Xí nghiệp đẩy nhanh quá trình luân chuyển vốn tránh tình trạng công nợ kéo dài đồng thời hạn chế tối đa công nợ khó đòi

Ý kiến 6: Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Hiện nay Xí nghiệp đang áp dụng phương pháp tính giá bình quân cả kỳ dự trữ để tính giá vốn hàng xuất kho. Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, phương pháp này hạn chế tính kịp thời của các thông tin giá vốn, không cung cấp được những thông tin cần thiết về trị giá vốn hàng xuất cho mỗi lần biến động hàng hóa vì thời điểm xác định trị giá vốn hàng xuất kho được tính váo cuối tháng. Do việc tính hàng tồn kho có ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị nên kế toán cần áp dụng phương pháp nào để tính toán giá vốn một cách chính xác nhất, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý vào bất cứ thời điểm nào. Theo em, Xí nghiệp nên áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập để tính giá vốn hàng xuất kho. Khi sử dụng phương pháp này, kế toán tập hợp số liệu dễ dàng và tính giá vốn xuất kho cũng chính xác hơn sẽ thể hiện được sự biến động của giá cả.

3.3 Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

Những năm qua mặc dầu nền kinh tế thế giới có sự biến động mạnh (do sự tranh chấp TM giữa các nước lớn) đã tác động không nhỏ đến thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước nói chung và Xí nghiệp 583 nói riêng. Đặc biệt là mặt hàng xăng dầu - mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Xí nghiệp, giá xăng dầu luôn luôn biến động theo giá cả thế giới. Nhưng bằng nỗ lực, sự nhạy bén trong kinh doanh của ban lãnh đạo Xí nghiệp luôn đứng vững và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp tăng dần, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước. Tuy nhiên để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh dựa vào nguồn lực sẵn có và khắc phục được nhược điểm của Xí nghiệp trong những năm qua công ty cần thực hiện các biện pháp:

Biện pháp 1: Đa dạng hình thức bán hàng

Xí nghiệp nên tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống

Đa dạng hình thức bán hàng, kênh bán hàng:

- Xí nghiệp có thể thực hiện thêm phương thức bán hàng đại lý, theo phương thức này Xí nghiệp mở rộng được thị trường, góp phần tăng doanh thu hàng bán.

- Xí nghiệp có thể thực hiện phương thức trào hàng: gọi điện khách hàng giới thiệu sản phẩm, gửi thư trào hàng đến các khách hàng

Biện pháp 2: Giảm chi phí

Chi phí là yếu tố quan trọng, làm giảm lợi nhuận của Xí nghiệp.Do đó mục tiếu của Xí nghiệp là phải giảm tối đa chi phí phát sinh tại đơn vị. Như:

❖ **Giảm chi phí lãi vay**: Chi phí lãi vay là số tiền phải trả lãi cho việc sử dụng vốn huy động vốn. Bất kỳ một doanh nghiệp nào tiến hành sản xuất kinh doanh đều cần đến vốn và phải huy động thêm vốn. Doanh nghiệp phải tính toán huy động bằng hình thức nào sao cho chi phí trả lãi vay là thấp nhất: huy động vốn từ người lao đông theo hình thức đóng cổ phần, ….

❖ **Giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý**:

Tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả góp phần làm giảm chi phí quản lý. Giảm các chi phí tiếp khách hội họp

Thực tế cho thấy, lương của cán bộ CNV tại Xí nghiệp tương đối thấp, với mức lương của Giám đốc : 4.990.000đ/ tháng..... ; lương nhân viên bình quân 1.800.000đồng/ tháng quả thực quá thấp, người lao động không chuyên tâm làm việc, không nhiệt huyết với Xí nghiệp, làm giảm hiệu quả kinh doanh. Để nâng cao trách nhiệm của cán bộ CNV Xí nghiệp theo em nên đề ra hạn mức lương cho người lao động dựa theo doanh thu tại đơn vị, điều này sẽ khuyến khích người lao động tích cực hơn trong việc. Có thể:

Doanh thu(đồng/tháng)	Chi phí tiền lương cho CB CNV Xí nghiệp
2.000.000.000	2.5 % doanh thu
3.000.000.000	3. % doanh thu
5.000.000.000	3.5 % doanh thu
8.000.000.000	4 % doanh thu
...	....

Biện pháp 3: Kiến nghị công ty mẹ- Công ty Sông Hồng

Đề nghị với công ty Sông Hồng cấp thêm vốn cho Xí nghiệp nhằm đầu tư mở rộng kinh doanh, mở rộng nhà xưởng nhằm đa dạng loại hình mặt hàng kinh doanh

Yêu cầu Công ty mẹ giảm bớt chi tiêu mà Xí nghiệp phải nộp phải nộp về công ty

Trong cơ chế quản lý mới, hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng, một công cụ quản lý tài chính, tích cực trong điều hành, kiểm soát hoạt động kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường, sự cạnh tranh đang trở nên quyết liệt, do vậy nắm bắt thông tin kinh tế nhanh chóng, kịp thời, chính xác là chìa khoá mang đến sự thành công cho mỗi doanh nghiệp. Để có được điều đó thì bộ máy kinh tế của đơn vị phải được công tác và hoạt động có hiệu quả.

Biện pháp 4: Kiến nghị với Nhà Nước

Như chúng ta đã biết, lãi suất ngân hàng gần đây rất cao, có lúc nên 26%/ năm. Lãi xuất cao như vậy Xí nghiệp không có khả năng vay vốn ngân hàng mở rộng sản xuất kinh doanh. Không vay được vốn là một trở ngại rất lớn, vì vậy theo em Nhà nước nên có những biện pháp nhằm giảm lãi suất vay vốn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể vay vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Kết luận

Công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư

Khoá luận: **"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng"** đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí cho hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Về mặt thực tế: Đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Xí nghiệp, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của cô chú cán bộ Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng, của các thầy cô và của cô giáo hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Minh Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán quyển 1 - Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.

2. Chế độ kế toán quyển 2 - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006.

3. Tài liệu sổ sách kế toán của Xí nghiệp 583- Công ty Sông Hồng

4. Khoá luận tốt nghiệp khoá trước của: - Đỗ Thị Dịu sinh viên lớp QT 901K

- Phạm Thị Thu Hiền sinh viên lớp QT 802K

ở thư viện Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.